

Số: 161/PHVL

Vĩnh Long, ngày 19 tháng 05 năm 2025

Về việc thông báo Thời khóa biểu dự kiến  
Học kỳ cuối năm 2025 các Khóa 49, 50  
ĐHCQ tại UEH Mekong

Kính gửi: **Các Trường Thành viên, Khoa, Viện, Trung tâm**

Căn cứ kế hoạch đào tạo năm 2025 và tiến độ triển khai các chương trình đào tạo của Hệ ĐHCQ, Phân hiệu Đại học Kinh tế TP. Hồ Chí Minh tại tỉnh Vĩnh Long (UEH Mekong) trân trọng gửi đến các Trường Thành viên, Khoa, Viện, Trung tâm **Thời khóa biểu dự kiến Học kỳ cuối năm 2025** của các khóa sau:

- + Khóa 49 - Hệ ĐHCQ (Chương trình chuẩn) - UEH Mekong,
- + Khóa 50 - Hệ ĐHCQ (Chương trình Tiếng Việt) - UEH Mekong,

**Thời khóa biểu các lớp học phần Giáo dục thể chất sẽ được bổ sung sau.**

Nếu có yêu cầu điều chỉnh thời khóa biểu, xin vui lòng liên hệ Phòng Đào tạo - UEH Mekong **trước ngày 26/05/2025** để kịp tiến độ đăng ký học phần của sinh viên.

UEH Mekong kính đề nghị các đơn vị đào tạo áp dụng quy trình phân công giảng viên theo website <https://dangkvgiangday.ueh.edu.vn> với kế hoạch thời gian cụ thể đính kèm theo văn bản này.

Nếu có vấn đề gì chưa rõ, xin vui lòng liên hệ về Phòng Đào tạo - UEH Mekong.

Trân trọng !

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- B.CKHĐT; B.QTHT;
- B.CSNH, B.BĐCL&KSNB, B.ĐT;
- TTKT;
- Các Khoa, Trung tâm PHVL;
- Website PHVL, ĐT;
- Lưu: VT, ĐT.

**KT. GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC**  
(Đã ký)

**TS. Nguyễn Thị Thý Liễu**

**ĐỊA CHỈ CÁC GIẢNG ĐƯỜNG BỔ TRÍ GIẢNG DẠY HK CUỐI NĂM 2025**

| GIẢNG ĐƯỜNG   | CƠ SỞ                      | ĐỊA CHỈ                                               | GHI CHÚ |
|---------------|----------------------------|-------------------------------------------------------|---------|
| GĐ A,<br>B... | Phân hiệu UEH<br>Vĩnh Long | 1B Nguyễn Trung Trực, TP.Vĩnh<br>Long, Tỉnh Vĩnh Long |         |

**KẾ HOẠCH THỜI GIAN THỰC HIỆN ĐĂNG KÝ GIẢNG DẠY**  
(Link thực hiện đăng ký: <https://dangkygiangday.ueh.edu.vn>)

| KHÓA HỌC                        | THỜI GIAN             |                          |                                       | GHI CHÚ                                                       |
|---------------------------------|-----------------------|--------------------------|---------------------------------------|---------------------------------------------------------------|
|                                 | Giảng viên<br>đăng ký | Quản lý môn<br>học duyệt | Trưởng đơn vị<br>đào tạo phê<br>duyet |                                                               |
| + Khóa 49,<br>50 ĐHCQ<br>(PHVL) | 09/06/25 - 08/07/25   | 09/07/25 – 22/07/25      | 23/07/25 – 28/07/25                   | Dự kiến thời gian<br>phát hành TKB<br>chính thức:<br>20/07/25 |

**THỜI KHÓA BIỂU CÁC KHÓA HỆ CHÍNH QUY PHVL  
HỌC KỲ CUỐI NĂM 2025  
(Sắp xếp theo Các đơn vị đào tạo)**

## THỜI KHÓA BIỂU KHÓA **48 HỆ ĐHCQ KSV (HỌC KỲ 7) (DỰ KIẾN)**

|                       | THỜI GIAN                          |                                                                              |
|-----------------------|------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------|
| Học lý thuyết         | 04/08/2025 – 07/12/2025            | <b>CV Khung thời gian đào tạo năm 2025</b> (Số 2997/ĐHKT-ĐT ngày 12/12/2024) |
| Các ngày nghỉ         | 01/09/2025, 02/09/2025, 20/11/2025 |                                                                              |
| Thi kết thúc học phần | 08/12/2025 – 21/12/2025            |                                                                              |
| Dự trữ KHĐT           | 22/12/2025 – 04/01/2026            |                                                                              |

**Khóa 48 ĐHCQ UEH Mekong thực hiện Thực tập và tốt nghiệp theo Kế hoạch số: 114/KH-PHVL, ngày 19 tháng 5 năm 2025 (Trừ song ngành tích hợp)**

### ĐỊA CHỈ CÁC GIẢNG ĐƯỜNG BỐ TRÍ GIẢNG DẠY HK CUỐI NĂM 2025

| GIẢNG ĐƯỜNG  | CƠ SỞ                   | ĐỊA CHỈ                                                      | GHI CHÚ |
|--------------|-------------------------|--------------------------------------------------------------|---------|
| GD D1, B2... | Phân hiệu UEH Vĩnh Long | 1B Nguyễn Trung Trực, Phường 8, TP.Vĩnh Long, Tỉnh Vĩnh Long |         |

## KẾ HOẠCH THI KẾT THÚC HỌC PHẦN (KTHP)

**Căn cứ Tờ trình số 87/TTr-ĐHKT-KHKT ký ngày 23/03/2017 về việc thay đổi thời gian thi KTHP hệ ĐHCQ  
Căn cứ vào Quy trình lập lịch thi KTHP các bậc/hệ đào tạo có hiệu lực ngày 11/12/2019**

**Đối với các lớp học phần kết thúc sớm trong học kỳ:**

- Thời gian thi: dự kiến từ 2 - 4 tuần kể từ khi kết thúc học phần (tùy thuộc và tình hình giảng đường của nhà trường)
- Bố trí thi vào sáng hoặc chiều các ngày chủ nhật
- Lịch thi KTHP sẽ được công bố cho sinh viên trước thời gian thi ít nhất 4 tuần

**Đối với các lớp học phần còn lại: lịch thi KTHP được bố trí vào các ngày trong tuần từ **08/12/2025 đến 21/12/2025**  
(sau khi kết thúc phần học lý thuyết)**

**BẢNG DANH MỤC LỚP SINH VIÊN KHÓA 48 ĐHCQ (Phân hiệu UEH Vĩnh Long)**

| STT | NGÀNH/CHUYÊN NGÀNH                                                      | PHIÊN HIỆU LỚP SV | SL LỚP       |
|-----|-------------------------------------------------------------------------|-------------------|--------------|
| 1   | QUẢN TRỊ                                                                | AD001             | 1            |
| 2   | KINH DOANH QUỐC TẾ                                                      | IB001             | 1            |
| 3   | MARKETING                                                               | MR001             | 1            |
| 4   | LOGISTICS VÀ QUẢN LÝ CHUỖI CUNG ỨNG                                     | LM001             | 1            |
| 5   | NGÂN HÀNG                                                               | NH001             | 1            |
| 6   | TÀI CHÍNH                                                               | FN001             | 1            |
| 7   | KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP                                                    | KN001             | 1            |
| 8   | LUẬT KINH DOANH                                                         | LK001             | 1            |
| 9   | <del>KINH DOANH NÔNG NGHIỆP</del>                                       | <del>AR001</del>  | <del>1</del> |
| 10  | THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ                                                      | EE001             | 1            |
| 11  | TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI                                                    | AV001             | 1            |
| 12  | SONG NGÀNH KINH DOANH NÔNG NGHIỆP VÀ KINH DOANH QUỐC TẾ                 | ARIB001           | 1            |
| 13  | SONG NGÀNH KINH DOANH NÔNG NGHIỆP VÀ LOGISTICS & QUẢN LÝ CHUỖI CUNG ỨNG | ARLM001           | 1            |

## THỜI KHÓA BIỂU KHÓA 49 HỆ ĐHCQ KSV HỌC KỲ 5 (HỌC KỲ CUỐI NĂM 2025) (**DỰ KIẾN**)

|                       | THỜI GIAN                          |                                                                              |
|-----------------------|------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------|
| Học lý thuyết         | 04/08/2025 – 07/12/2025            | <b>CV Khung thời gian đào tạo năm 2025</b> (Số 2997/ĐHKT-ĐT ngày 12/12/2024) |
| Các ngày nghỉ         | 01/09/2025, 02/09/2025, 20/11/2025 |                                                                              |
| Thi kết thúc học phần | 08/12/2025 – 21/12/2025            |                                                                              |
| Dự trữ KHĐT           | 22/12/2025 – 04/01/2026            |                                                                              |

### ĐỊA CHỈ CÁC GIẢNG ĐƯỜNG BỔ TRÍ GIẢNG DẠY HK CUỐI NĂM 2025

| GIẢNG ĐƯỜNG  | CƠ SỞ                   | ĐỊA CHỈ                                                      | GHI CHÚ |
|--------------|-------------------------|--------------------------------------------------------------|---------|
| GD D1, B2... | Phân hiệu UEH Vĩnh Long | 1B Nguyễn Trung Trực, Phường 8, TP.Vĩnh Long, Tỉnh Vĩnh Long |         |

### KẾ HOẠCH THI KẾT THÚC HỌC PHẦN (KTHP)

Căn cứ Tờ trình số 87/TTr-ĐHKT-KHKT ký ngày 23/03/2017 về việc thay đổi thời gian thi KTHP hệ ĐHCQ  
Căn cứ vào Quy trình lập lịch thi KTHP các bậc/hệ đào tạo có hiệu lực ngày 11/12/2019

Đối với các lớp học phần kết thúc sớm trong học kỳ:

- Thời gian thi: dự kiến từ 2 - 4 tuần kể từ khi kết thúc học phần (tùy thuộc và tình hình giảng đường của nhà trường)
- Bố trí thi vào sáng hoặc chiều các ngày chủ nhật
- Lịch thi KTHP sẽ được công bố cho sinh viên trước thời gian thi ít nhất 4 tuần

Đối với các lớp học phần còn lại: lịch thi KTHP được bố trí vào các ngày trong tuần từ **08/12/2025 đến 21/12/2025**  
(sau khi kết thúc phần học lý thuyết)

**BẢNG DANH MỤC LỚP SINH VIÊN KHÓA 49 ĐHCQ (Phân hiệu UEH Vĩnh Long)**

| STT | NGÀNH/CHUYÊN NGÀNH                                                       | PHIÊN HIỆU LỚP SV | SL LỚP |
|-----|--------------------------------------------------------------------------|-------------------|--------|
| 1   | CÔNG NGHỆ VÀ ĐỔI MỚI SÁNG TẠO                                            | TI0001            | 1      |
| 2   | KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP                                                     | KN0001            | 1      |
| 3   | KINH DOANH NÔNG NGHIỆP                                                   | AR0001            | 1      |
| 4   | KINH DOANH QUỐC TẾ                                                       | IB0001            | 1      |
| 5   | LOGISTICS VÀ QUẢN LÝ CHUỖI CUNG ỨNG                                      | LM0001            | 1      |
| 6   | LUẬT KINH TẾ                                                             | EL0001            | 1      |
| 7   | MARKETING                                                                | MR0001            | 1      |
| 8   | NGÂN HÀNG                                                                | NH0001            | 1      |
| 9   | QUẢN TRỊ                                                                 | AD0001            | 1      |
| 10  | QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN                                                       | KS0001            | 1      |
| 11  | ROBOT VÀ TRÍ TUỆ NHÂN TẠO                                                | RA0001            | 1      |
| 12  | TÀI CHÍNH                                                                | FN0001            | 1      |
| 13  | TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI                                                     | AV0001            | 1      |
| 14  | THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ                                                       | EE0001            | 1      |
| 15  | SONG NGÀNH KINH DOANH NÔNG NGHIỆP VÀ KINH DOANH QUỐC TẾ                  | ARIB01            | 1      |
| 16  | SONG NGÀNH KINH DOANH NÔNG NGHIỆP VÀ LOGISTICS VÀ QUẢN LÝ CHUỖI CUNG ỨNG | ARLM01            | 1      |

**CÁC NGÀNH LUÂN CHUẨN CAMPUS SỚM:**

1. ROBOT VÀ TRÍ TUỆ NHÂN TẠO (RA0001)
2. CÔNG NGHỆ VÀ ĐỔI MỚI SÁNG TẠO (TI001)
3. QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN (KS001)
4. KINH DOANH NÔNG NGHIỆP (AR001)
5. SONG NGÀNH KINH DOANH NÔNG NGHIỆP VÀ KINH DOANH QUỐC TẾ (ARIB01)
6. SONG NGÀNH KINH DOANH NÔNG NGHIỆP VÀ LOGISTICS VÀ QUẢN LÝ CHUỖI CUNG ỨNG (ARLM01)

## THỜI KHÓA BIỂU KHÓA 50 HỆ ĐHCQ KSV HỌC KỲ 3 (HỌC KỲ CUỐI NĂM 2025) (**DỰ KIẾN**)

|                       | THỜI GIAN                          |                                                                              |
|-----------------------|------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------|
| Học lý thuyết         | 04/08/2025 – 07/12/2025            | <b>CV Khung thời gian đào tạo năm 2025</b> (Số 2997/ĐHKT-ĐT ngày 12/12/2024) |
| Các ngày nghỉ         | 01/09/2025, 02/09/2025, 20/11/2025 |                                                                              |
| Thi kết thúc học phần | 08/12/2025 – 21/12/2025            |                                                                              |
| Dự trữ KHĐT           | 22/12/2025 – 04/01/2026            |                                                                              |

### ĐỊA CHỈ CÁC GIẢNG ĐƯỜNG BỐ TRÍ GIẢNG DẠY HK CUỐI NĂM 2025

| GIẢNG ĐƯỜNG  | CƠ SỞ                   | ĐỊA CHỈ                                                      | GHI CHÚ |
|--------------|-------------------------|--------------------------------------------------------------|---------|
| GD D1, B2... | Phân hiệu UEH Vĩnh Long | 1B Nguyễn Trung Trực, Phường 8, TP.Vĩnh Long, Tỉnh Vĩnh Long |         |

### KẾ HOẠCH THI KẾT THÚC HỌC PHẦN (KTHP)

Căn cứ Tờ trình số 87/TTr-ĐHKT-KHKT ký ngày 23/03/2017 về việc thay đổi thời gian thi KTHP hệ ĐHCQ  
Căn cứ vào Quy trình lập lịch thi KTHP các bậc/hệ đào tạo có hiệu lực ngày 11/12/2019

Đối với các lớp học phần kết thúc sớm trong học kỳ:

- Thời gian thi: dự kiến từ 2 - 4 tuần kể từ khi kết thúc học phần (tùy thuộc và tình hình giảng đường của nhà trường)
- Bố trí thi vào sáng hoặc chiều các ngày chủ nhật
- Lịch thi KTHP sẽ được công bố cho sinh viên trước thời gian thi ít nhất 4 tuần

Đối với các lớp học phần còn lại: lịch thi KTHP được bố trí vào các ngày trong tuần từ **08/12/2025 đến 21/12/2025**  
(sau khi kết thúc phần học lý thuyết)



**BẢNG DANH MỤC LỚP SINH VIÊN KHÓA 50 ĐHCQ KSV****TRƯỜNG CÔNG NGHỆ - THIẾT KẾ**

| STT | NGÀNH/CHUYÊN NGÀNH            | PHIÊN HIỆU LỚP SV |          |          |
|-----|-------------------------------|-------------------|----------|----------|
|     |                               | CT_TV             | CT_TA BP | CT_TA TP |
| 1   | THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ            | DHKSV50EE001      |          |          |
| 2   | CÔNG NGHỆ VÀ ĐỔI MỚI SÁNG TẠO | DHKSV50TI001      |          |          |
| 3   | ROBOT VÀ TRÍ TUỆ NHÂN TẠO     | DHKSV50RA001      |          |          |

**BẢNG DANH MỤC LỚP SINH VIÊN KHÓA 50 ĐHCQ KSV****TRƯỜNG KINH DOANH**

| STT | NGÀNH/CHUYÊN NGÀNH                  | PHIÊN HIỆU LỚP SV |          |          |
|-----|-------------------------------------|-------------------|----------|----------|
|     |                                     | CT_TV             | CT_TA BP | CT_TA TP |
| 4   | KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP                | DHKSV50KN001      |          |          |
| 5   | KINH DOANH QUỐC TẾ                  | DHKSV50IB001      |          |          |
| 6   | LOGISTICS VÀ QUẢN LÝ CHUỖI CUNG ỨNG | DHKSV50LM001      |          |          |
| 7   | MARKETING                           | DHKSV50MR001      |          |          |
| 8   | QUẢN TRỊ KINH DOANH                 | DHKSV50BA001      |          |          |
| 9   | TÀI CHÍNH                           | DHKSV50FN001      |          |          |
| 10  | QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN                  | DHKSV50KS001      |          |          |
| 11  | NGÂN HÀNG                           | DHKSV50NH001      |          |          |

**BẢNG DANH MỤC LỚP SINH VIÊN KHÓA 50 ĐHCQ KSV****TRƯỜNG KINH TẾ, LUẬT VÀ QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC; KHOA NGOẠI NGỮ; KHOA LÝ LUẬN CHÍNH TRỊ**

| STT | NGÀNH/CHUYÊN NGÀNH     | PHIÊN HIỆU LỚP SV |          |          |
|-----|------------------------|-------------------|----------|----------|
|     |                        | CT_TV             | CT_TA BP | CT_TA TP |
| 12  | KINH DOANH NÔNG NGHIỆP | DHKSV50AR001      |          |          |
| 13  | LUẬT KINH TẾ           | DHKSV50EL001      |          |          |
| 14  | THUẾ                   | DHKSV50TA001      |          |          |
| 15  | TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI   | DHKSV50AV001      |          |          |

#### **LỊCH ĐƯA ĐÓN GIẢNG VIÊN HÀNG TUẦN:**

- Chiều Chủ nhật: Xe đón và đưa GV từ TP.HCM xuống PHVL để giảng dạy.
- Chiều Thứ ba: Xe đưa GV từ PHVL về lại TP.HCM.
- Chiều Thứ tư: Xe đón và đưa GV từ TP.HCM xuống PHVL để giảng dạy.
- Chiều Thứ sáu: Xe đưa GV từ PHVL về lại TP.HCM.
- Văn phòng UEH và Văn phòng Phân hiệu UEH Vĩnh Long sẽ liên hệ GV trước ít nhất 3 ngày.

#### **THÔNG TIN LIÊN HỆ CẦN THIẾT TẠI PHÂN HIỆU UEH VĨNH LONG :**

+ Liên hệ về lịch giảng và các vấn đề về đào tạo: Phòng ĐT (Cô Phương: 0939229230/Thầy Luông: 0931831668)

Lưu ý: Nếu có điều chỉnh thông tin về lịch giảng, GV tham gia giảng dạy so với kế hoạch ban đầu, đề nghị GV liên hệ trước 03 ngày làm việc: Phòng ĐT (Cô Phương: 0939229230/Thầy Luông: 0931831668)

+ Liên hệ về nhận và phát tài liệu, học liệu: Phòng ĐT (Thầy Đồng: 0986858313)

+ Liên hệ về bố trí xe, ăn nghỉ: Văn phòng PHVL (Cô Minh: 0937962186)

**TRƯỜNG KINH TẾ, LUẬT VÀ QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC**  
(Khoa Ngoại ngữ)

| HỌC PHẦN                                                              | VN/E<br>N | TC | MÃ LHP          | SL<br>DK | NGÀNH/KH<br>ÓA  | LỚP SV                                      | THỨ | ST | GIỜ HỌC       | GD   | THỜI GIAN HỌC       | GHI<br>CHÚ |
|-----------------------------------------------------------------------|-----------|----|-----------------|----------|-----------------|---------------------------------------------|-----|----|---------------|------|---------------------|------------|
| Biên dịch<br>thương mại                                               |           | 3  | 25C9ENG51305001 | 30       | AV-<br>DHKSVK49 | (K49KSV)_<br>AV0001                         | 5   | 5  | 07g00 - 11g20 | D2.3 | 18/09/25 - 16/10/25 |            |
|                                                                       |           |    |                 |          |                 |                                             | 6   | 5  | 07g00 - 11g20 | D2.3 | 19/09/25 - 10/10/25 |            |
| Hình thái - Cú<br>pháp học                                            |           | 3  | 25C9ENG51314601 | 30       | AV-<br>DHKSVK49 | (K49KSV)_<br>AV0001                         | 5   | 5  | 12g45 - 17g05 | D2.3 | 07/08/25 - 04/09/25 |            |
|                                                                       |           |    |                 |          |                 |                                             | 6   | 5  | 12g45 - 17g05 | D2.3 | 08/08/25 - 29/08/25 |            |
| Kỹ năng nghe -<br>nói nâng cao 1                                      |           | 3  | 25C9ENG51314001 | 30       | AV-<br>DHKSVK50 | (K50KSV)_<br>AV0001                         | 2   | 5  | 07g00 - 11g20 | D2.1 | 15/09/25 - 13/10/25 |            |
|                                                                       |           |    |                 |          |                 |                                             | 3   | 5  | 07g00 - 11g20 | D2.1 | 16/09/25 - 07/10/25 |            |
| Kỹ năng viết<br>nâng cao 1                                            |           | 3  | 25C9ENG51314201 | 30       | AV-<br>DHKSVK50 | (K50KSV)_<br>AV0001                         | 2   | 5  | 12g45 - 17g05 | D2.3 | 15/09/25 - 13/10/25 |            |
|                                                                       |           |    |                 |          |                 |                                             | 3   | 5  | 12g45 - 17g05 | D2.3 | 16/09/25 - 07/10/25 |            |
| Kỹ năng viết<br>nâng cao 2                                            |           | 3  | 25C9ENG51314901 | 30       | AV-<br>DHKSVK49 | (K49KSV)_<br>AV0001                         | 2   | 5  | 07g00 - 11g20 | D2.3 | 27/10/25 - 24/11/25 |            |
|                                                                       |           |    |                 |          |                 |                                             | 3   | 5  | 07g00 - 11g20 | D2.3 | 28/10/25 - 18/11/25 |            |
| Kỹ năng đọc<br>nâng cao 1                                             |           | 3  | 25C9ENG51314101 | 30       | AV-<br>DHKSVK50 | (K50KSV)_<br>AV0001                         | 5   | 5  | 07g00 - 11g20 | D2.1 | 18/09/25 - 16/10/25 |            |
|                                                                       |           |    |                 |          |                 |                                             | 6   | 5  | 07g00 - 11g20 | D2.1 | 19/09/25 - 10/10/25 |            |
| Ngữ nghĩa học                                                         |           | 3  | 25C9ENG51314501 | 30       | AV-<br>DHKSVK49 | (K49KSV)_<br>AV0001                         | 2   | 5  | 07g00 - 11g20 | D2.3 | 04/08/25 - 08/09/25 |            |
|                                                                       |           |    |                 |          |                 |                                             | 3   | 5  | 07g00 - 11g20 | D2.3 | 05/08/25 - 26/08/25 |            |
| Phương pháp<br>nghiên cứu<br>trong ngôn ngữ                           |           | 3  | 25C9ENG51315101 | 30       | AV-<br>DHKSVK49 | (K49KSV)_<br>AV0001                         | 5   | 5  | 07g00 - 11g20 | D2.3 | 30/10/25 - 27/11/25 |            |
|                                                                       |           |    |                 |          |                 |                                             | 6   | 5  | 07g00 - 11g20 | D2.3 | 31/10/25 - 28/11/25 |            |
| Tiếng Anh lĩnh<br>vực Công nghệ,<br>truyền thông và<br>thiết kế (HP1) |           | 3  | 25C9ENG51319901 | 15       | RA-<br>DHKSVK50 | (K50KSV)_<br>RA0001                         | 2   | 5  | 07g00 - 11g20 | D1.7 | 15/09/25 - 13/10/25 |            |
|                                                                       |           |    |                 |          |                 |                                             | 3   | 5  | 07g00 - 11g20 | D1.7 | 16/09/25 - 07/10/25 |            |
| Tiếng Anh lĩnh<br>vực Công nghệ,<br>truyền thông và<br>thiết kế (HP2) |           | 3  | 25C9ENG51320001 | 65       | EE-<br>DHKSVK50 | (K50KSV)_<br>EE0001                         | 5   | 5  | 07g00 - 11g20 | B2.2 | 30/10/25 - 27/11/25 |            |
|                                                                       |           |    |                 |          |                 |                                             | 6   | 5  | 07g00 - 11g20 | B2.2 | 31/10/25 - 28/11/25 |            |
| Tiếng Anh lĩnh<br>vực Công nghệ,<br>truyền thông và<br>thiết kế (HP2) |           | 3  | 25C9ENG51320002 | 20       | TI-<br>DHKSVK50 | (K50KSV)_<br>TI0001                         | 5   | 5  | 07g00 - 11g20 | D2.6 | 30/10/25 - 27/11/25 |            |
|                                                                       |           |    |                 |          |                 |                                             | 6   | 5  | 07g00 - 11g20 | D2.6 | 31/10/25 - 28/11/25 |            |
| Tiếng Anh lĩnh<br>vực Kinh doanh<br>(HP2)                             |           | 3  | 25C9ENG51319801 | 70       | AD-<br>DHKSVK50 | (K50KSV)_<br>AD0001,(K<br>50KSV)_F<br>N0001 | 2   | 5  | 12g45 - 17g05 | D3.2 | 27/10/25 - 24/11/25 |            |
|                                                                       |           |    |                 |          |                 |                                             | 3   | 5  | 12g45 - 17g05 | D3.2 | 28/10/25 - 18/11/25 |            |
| Tiếng Anh lĩnh                                                        |           | 3  | 25C9ENG51319803 | 55       | IB-             | (K50KSV)                                    | 5   | 5  | 12g45 - 17g05 | D3.1 | 30/10/25 - 27/11/25 |            |

|                                         |   |                 |    |             |                                 |        |   |               |               |                     |                     |  |
|-----------------------------------------|---|-----------------|----|-------------|---------------------------------|--------|---|---------------|---------------|---------------------|---------------------|--|
| vực Kinh doanh (HP2)                    |   |                 |    |             | DHKSVK50                        | IB0001 | 6 | 5             | 12g45 - 17g05 | D3.1                | 31/10/25 - 28/11/25 |  |
| Tiếng Anh lĩnh vực Kinh doanh (HP2)     | 3 | 25C9ENG51319804 | 55 | KN-DHKSVK50 | (K50KSV)_KN0001                 | 2      | 5 | 07g00 - 11g20 | D3.4          | 27/10/25 - 24/11/25 |                     |  |
|                                         |   |                 |    |             |                                 | 3      | 5 | 07g00 - 11g20 | D3.4          | 28/10/25 - 18/11/25 |                     |  |
| Tiếng Anh lĩnh vực Kinh doanh (HP2)     | 3 | 25C9ENG51319805 | 65 | KS-DHKSVK50 | (K50KSV)_NH0001,(K50KSV)_KS0001 | 2      | 5 | 07g00 - 11g20 | D2.2          | 27/10/25 - 24/11/25 |                     |  |
|                                         |   |                 |    |             |                                 | 3      | 5 | 07g00 - 11g20 | D2.2          | 28/10/25 - 18/11/25 |                     |  |
| Tiếng Anh lĩnh vực Kinh doanh (HP2)     | 3 | 25C9ENG51319806 | 50 | LM-DHKSVK50 | (K50KSV)_LM0001                 | 5      | 5 | 12g45 - 17g05 | D3.5          | 30/10/25 - 27/11/25 |                     |  |
|                                         |   |                 |    |             |                                 | 6      | 5 | 12g45 - 17g05 | D3.5          | 31/10/25 - 28/11/25 |                     |  |
| Tiếng Anh lĩnh vực Kinh doanh (HP2)     | 3 | 25C9ENG51319807 | 70 | MR-DHKSVK50 | (K50KSV)_MR0001                 | 5      | 5 | 07g00 - 11g20 | D2.5          | 30/10/25 - 27/11/25 |                     |  |
|                                         |   |                 |    |             |                                 | 6      | 5 | 07g00 - 11g20 | D2.5          | 31/10/25 - 28/11/25 |                     |  |
| Tiếng Anh lĩnh vực Kinh tế (HP2)        | 3 | 25C9ENG51319601 | 30 | TA-DHKSVK50 | (K50KSV)_TA0001.(K50KSV)_AR0001 | 2      | 5 | 12g45 - 17g05 | D2.4          | 27/10/25 - 24/11/25 |                     |  |
|                                         |   |                 |    |             |                                 | 3      | 5 | 12g45 - 17g05 | D2.4          | 28/10/25 - 18/11/25 |                     |  |
| Tiếng Anh lĩnh vực Luật (HP2)           | 3 | 25C9ENG51320201 | 30 | EL-DHKSVK50 | (K50KSV)_EL0001                 | 5      | 5 | 12g45 - 17g05 | D2.7          | 30/10/25 - 27/11/25 |                     |  |
|                                         |   |                 |    |             |                                 | 6      | 5 | 12g45 - 17g05 | D2.7          | 31/10/25 - 28/11/25 |                     |  |
| Tiếng Anh trong các lĩnh vực kinh doanh | 3 | 25C9ENG51304301 | 30 | AV-DHKSVK50 | (K50KSV)_AV0001                 | 5      | 5 | 12g45 - 17g05 | D2.1          | 30/10/25 - 27/11/25 |                     |  |
|                                         |   |                 |    |             |                                 | 6      | 5 | 12g45 - 17g05 | D2.1          | 31/10/25 - 28/11/25 |                     |  |
| Tiếng Việt thực hành                    | 2 | 25C9ENG51303701 | 30 | AV-DHKSVK50 | (K50KSV)_AV0001                 | 2      | 5 | 12g45 - 17g05 | D2.1          | 04/08/25 - 18/08/25 |                     |  |
|                                         |   |                 |    |             |                                 | 3      | 5 | 12g45 - 17g05 | D2.1          | 05/08/25 - 19/08/25 |                     |  |

**TRƯỜNG KINH TẾ, LUẬT VÀ QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC**  
(Khoa Kinh tế)

| HỌC PHẦN               | VN/EN | TC | MÃ LHP          | SLDK | NGÀNH/KHÓA  | LỚP SV          | THỨ | ST | GIỜ HỌC       | GD   | THỜI GIAN HỌC       | GHI CHÚ |
|------------------------|-------|----|-----------------|------|-------------|-----------------|-----|----|---------------|------|---------------------|---------|
| Kinh tế học tài chính  |       | 3  | 25C9ECO50113901 | 20   | AR-DHKSVK50 | (K50KSV)_AR0001 | 5   | 5  | 07g00 - 11g20 | D1.2 | 18/09/25 - 16/10/25 |         |
|                        |       |    |                 |      |             |                 | 6   | 5  | 07g00 - 11g20 | D1.2 | 19/09/25 - 10/10/25 |         |
| Kinh tế lượng ứng dụng |       | 3  | 25C9ECO50106701 | 20   | AR-DHKSVK50 | (K50KSV)_AR0001 | 5   | 5  | 07g00 - 11g20 | D2.1 | 30/10/25 - 27/11/25 |         |
|                        |       |    |                 |      |             |                 | 6   | 5  | 07g00 - 11g20 | D2.1 | 31/10/25 - 28/11/25 |         |
| Kinh tế quốc tế        |       | 3  | 25C9ECO50100801 | 20   | AR-DHKSVK50 | (K50KSV)_AR0001 | 2   | 5  | 07g00 - 11g20 | D1.2 | 15/09/25 - 13/10/25 |         |
|                        |       |    |                 |      |             |                 | 3   | 5  | 07g00 - 11g20 | D1.2 | 16/09/25 - 07/10/25 |         |
| Kinh tế vi mô ứng dụng |       | 3  | 25C9ECO50113801 | 20   | AR-DHKSVK50 | (K50KSV)_AR0001 | 2   | 5  | 07g00 - 11g20 | D2.1 | 27/10/25 - 24/11/25 |         |
|                        |       |    |                 |      |             |                 | 3   | 5  | 07g00 - 11g20 | D2.1 | 28/10/25 - 18/11/25 |         |

**TRƯỜNG KINH TẾ, LUẬT VÀ QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC**  
(Khoa Tài chính công )

| HỌC PHẦN                        | VN/EN | TC | MÃ LHP          | SLDK | NGÀNH/KHÓA  | LỚP SV                  | THỨ | ST | GIỜ HỌC       | GD   | THỜI GIAN HỌC       | GHI CHÚ |
|---------------------------------|-------|----|-----------------|------|-------------|-------------------------|-----|----|---------------|------|---------------------|---------|
| Hoạch định Thuế                 |       | 3  | 25C9TAX50401601 | 45   | NH-DHKSVK50 | (K50KSV)_NH0001         | 5   | 5  | 07g00 - 11g20 | D2.4 | 30/10/25 - 27/11/25 |         |
|                                 |       |    |                 |      |             |                         | 6   | 5  | 07g00 - 11g20 | D2.4 | 31/10/25 - 28/11/25 |         |
| Nguyên lý tài chính - ngân hàng |       | 3  | 25C9PUF50402901 | 35   | NH-DHKSVK49 | (K49KSV)_HPTC.II.NH0001 | 5   | 5  | 07g00 - 11g20 | D2.6 | 07/08/25 - 04/09/25 |         |
|                                 |       |    |                 |      |             |                         | 6   | 5  | 07g00 - 11g20 | D2.6 | 08/08/25 - 29/08/25 |         |

**TRƯỜNG KINH TẾ, LUẬT VÀ QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC**  
(Khoa Luật)

| HỌC PHẦN                              | VN/EN | TC | MÃ LHP          | SLĐK | NGÀNH/KHÓA  | LỚP SV                   | THỨ | ST | GIỜ HỌC       | GD   | THỜI GIAN HỌC       | GHI CHÚ |
|---------------------------------------|-------|----|-----------------|------|-------------|--------------------------|-----|----|---------------|------|---------------------|---------|
| Công pháp quốc tế                     |       | 2  | 25C9LAW51106001 | 30   | EL-DHKSVK49 | (K49KSV)_EL0001          | 2   | 5  | 12g45 - 17g05 | D3.7 | 15/09/25 - 29/09/25 |         |
|                                       |       |    |                 |      |             |                          | 3   | 5  | 12g45 - 17g05 | D3.7 | 16/09/25 - 30/09/25 |         |
| Luật dân sự 2                         |       | 3  | 25C9LAW51100601 | 30   | EL-DHKSVK50 | (K50KSV)_EL0001          | 2   | 5  | 07g00 - 11g20 | D2.7 | 15/09/25 - 13/10/25 |         |
|                                       |       |    |                 |      |             |                          | 3   | 5  | 07g00 - 11g20 | D2.7 | 16/09/25 - 07/10/25 |         |
| Luật doanh nghiệp                     |       | 3  | 25C9LAW51103701 | 30   | EL-DHKSVK50 | (K50KSV)_EL0001          | 2   | 5  | 12g45 - 17g05 | D2.6 | 04/08/25 - 08/09/25 |         |
|                                       |       |    |                 |      |             |                          | 3   | 5  | 12g45 - 17g05 | D2.6 | 05/08/25 - 26/08/25 |         |
| Luật doanh nghiệp                     |       | 3  | 25C9LAW51103702 | 20   | TA-DHKSVK50 | (K50KSV)_TA0001          | 5   | 5  | 12g45 - 17g05 | D1.3 | 18/09/25 - 16/10/25 |         |
|                                       |       |    |                 |      |             |                          | 6   | 5  | 12g45 - 17g05 | D1.3 | 19/09/25 - 10/10/25 |         |
| Luật học so sánh                      |       | 2  | 25C9LAW51106401 | 30   | EL-DHKSVK49 | (K49KSV)_EL0001          | 5   | 5  | 07g00 - 11g20 | D3.7 | 07/08/25 - 21/08/25 |         |
|                                       |       |    |                 |      |             |                          | 6   | 5  | 07g00 - 11g20 | D3.7 | 08/08/25 - 22/08/25 |         |
| Luật hình sự                          |       | 3  | 25C9LAW51107401 | 30   | EL-DHKSVK49 | (K49KSV)_EL0001          | 2   | 5  | 12g45 - 17g05 | D3.7 | 27/10/25 - 24/11/25 |         |
|                                       |       |    |                 |      |             |                          | 3   | 5  | 12g45 - 17g05 | D3.7 | 28/10/25 - 18/11/25 |         |
| Luật kinh doanh các dịch vụ tài chính |       | 3  | 25C9LAW51105801 | 30   | EL-DHKSVK49 | (K49KSV)_EL0001          | 5   | 5  | 12g45 - 17g05 | D3.7 | 18/09/25 - 16/10/25 |         |
|                                       |       |    |                 |      |             |                          | 6   | 5  | 12g45 - 17g05 | D3.7 | 19/09/25 - 10/10/25 |         |
| Luật lao động                         |       | 3  | 25C9LAW51111401 | 30   | EL-DHKSVK50 | (K50KSV)_EL0001          | 2   | 5  | 07g00 - 11g20 | D2.7 | 27/10/25 - 24/11/25 |         |
|                                       |       |    |                 |      |             |                          | 3   | 5  | 07g00 - 11g20 | D2.7 | 28/10/25 - 18/11/25 |         |
| Luật môi trường                       |       | 2  | 25C9LAW51103201 | 30   | EL-DHKSVK49 | (K49KSV)_HPTC.IV.E L0001 | 2   | 5  | 07g00 - 11g20 | D3.7 | 04/08/25 - 18/08/25 |         |
|                                       |       |    |                 |      |             |                          | 3   | 5  | 07g00 - 11g20 | D3.7 | 05/08/25 - 19/08/25 |         |
| Luật sở hữu trí tuệ                   |       | 2  | 25C9LAW51101401 | 30   | EL-DHKSVK49 | (K49KSV)_EL0001          | 2   | 5  | 07g00 - 11g20 | D3.7 | 27/10/25 - 10/11/25 |         |
|                                       |       |    |                 |      |             |                          | 3   | 5  | 07g00 - 11g20 | D3.7 | 28/10/25 - 11/11/25 |         |
| Luật đất đai                          |       | 2  | 25C9LAW51101501 | 30   | EL-DHKSVK50 | (K50KSV)_EL0001          | 5   | 5  | 07g00 - 11g20 | D2.7 | 18/09/25 - 02/10/25 |         |
|                                       |       |    |                 |      |             |                          | 6   | 5  | 07g00 - 11g20 | D2.7 | 19/09/25 - 03/10/25 |         |
| Pháp luật và nền kinh tế số           |       | 2  | 25C9LAW5110701  | 30   | EL-DHKSVK49 | (K49KSV)_HPTC.IV.E L0001 | 2   | 5  | 07g00 - 11g20 | D3.7 | 15/09/25 - 29/09/25 |         |
|                                       |       |    |                 |      |             |                          | 3   | 5  | 07g00 - 11g20 | D3.7 | 16/09/25 - 30/09/25 |         |
| Tư duy pháp lý                        |       | 3  | 25C9LAW51109701 | 30   | EL-DHKSVK50 | (K50KSV)_EL0001          | 5   | 5  | 12g45 - 17g05 | D2.7 | 18/09/25 - 16/10/25 |         |
|                                       |       |    |                 |      |             |                          | 6   | 5  | 12g45 - 17g05 | D2.7 | 19/09/25 - 10/10/25 |         |
| Tư pháp quốc tế                       |       | 3  | 25C9LAW51101701 | 30   | EL-DHKSVK49 | (K49KSV)_EL0001          | 5   | 5  | 07g00 - 11g20 | D3.7 | 30/10/25 - 27/11/25 |         |
|                                       |       |    |                 |      |             |                          | 6   | 5  | 07g00 - 11g20 | D3.7 | 31/10/25 - 28/11/25 |         |

**TRƯỜNG KINH DOANH**  
(Khoa Quản trị)

| HỌC PHẦN                                | VN/EN | TC | MÃ LHP          | SLDK | NGÀNH/KHÓA  | LỚP SV                                     | THỨ | ST | GIỜ HỌC       | GD   | THỜI GIAN HỌC       | GHI CHÚ |
|-----------------------------------------|-------|----|-----------------|------|-------------|--------------------------------------------|-----|----|---------------|------|---------------------|---------|
| Chiến lược marketing cho nhà quản trị   |       | 3  | 25C9MAN50212501 | 30   | AD-DHKSVK49 | (K49KSV)_AD0001                            | 2   | 5  | 12g45 - 17g05 | D3.6 | 15/09/25 - 13/10/25 |         |
|                                         |       |    |                 |      |             |                                            | 3   | 5  | 12g45 - 17g05 | D3.6 | 16/09/25 - 07/10/25 |         |
| Hành vi tổ chức                         |       | 3  | 25C9MAN50200601 | 35   | AD-DHKSVK50 | (K50KSV)_AD0001                            | 5   | 5  | 07g00 - 11g20 | D3.4 | 30/10/25 - 27/11/25 |         |
|                                         |       |    |                 |      |             |                                            | 6   | 5  | 07g00 - 11g20 | D3.4 | 31/10/25 - 21/11/25 |         |
| Lập kế hoạch kinh doanh                 |       | 3  | 25C9MAN50201701 | 30   | AD-DHKSVK49 | (K49KSV)_AD0001                            | 2   | 5  | 07g00 - 11g20 | D3.6 | 27/10/25 - 24/11/25 |         |
|                                         |       |    |                 |      |             |                                            | 3   | 5  | 07g00 - 11g20 | D3.6 | 28/10/25 - 18/11/25 |         |
| Lãnh đạo                                |       | 3  | 25C9MAN50201801 | 30   | AD-DHKSVK49 | (K49KSV)_AD0001                            | 5   | 5  | 12g45 - 17g05 | D3.6 | 07/08/25 - 04/09/25 |         |
|                                         |       |    |                 |      |             |                                            | 6   | 5  | 12g45 - 17g05 | D3.6 | 08/08/25 - 29/08/25 |         |
| Phân tích định lượng trong quản trị     |       | 3  | 25C9MAN50201201 | 35   | AD-DHKSVK50 | (K50KSV)_AD0001                            | 2   | 5  | 12g45 - 17g05 | D1.2 | 15/09/25 - 13/10/25 |         |
|                                         |       |    |                 |      |             |                                            | 3   | 5  | 12g45 - 17g05 | D1.2 | 16/09/25 - 07/10/25 |         |
| Phát triển kỹ năng quản trị             |       | 3  | 25C9MAN50201901 | 30   | AD-DHKSVK49 | (K49KSV)_AD0001                            | 2   | 5  | 07g00 - 11g20 | D3.6 | 04/08/25 - 08/09/25 |         |
|                                         |       |    |                 |      |             |                                            | 3   | 5  | 07g00 - 11g20 | D3.6 | 05/08/25 - 26/08/25 |         |
| Phương pháp nghiên cứu trong kinh doanh |       | 3  | 25C9MAN50212301 | 35   | AD-DHKSVK50 | (K50KSV)_AD0001                            | 5   | 5  | 12g45 - 17g05 | D2.3 | 30/10/25 - 27/11/25 |         |
|                                         |       |    |                 |      |             |                                            | 6   | 5  | 12g45 - 17g05 | D2.3 | 31/10/25 - 28/11/25 |         |
| Quản trị chiến lược                     |       | 3  | 25C9MAN50201101 | 35   | AD-DHKSVK50 | (K50KSV)_AD0001                            | 2   | 5  | 07g00 - 11g20 | D2.1 | 04/08/25 - 08/09/25 |         |
|                                         |       |    |                 |      |             |                                            | 3   | 5  | 07g00 - 11g20 | D2.1 | 05/08/25 - 26/08/25 |         |
| Quản trị học                            |       | 3  | 25C9MAN50200101 | 50   | EL-DHKSVK50 | (K50KSV)_HPTC.I.EL0001,<br>(K50KSV)_AR0001 | 5   | 5  | 12g45 - 17g05 | D2.6 | 07/08/25 - 04/09/25 |         |
|                                         |       |    |                 |      |             |                                            | 6   | 5  | 12g45 - 17g05 | D2.6 | 08/08/25 - 29/08/25 |         |
| Quản trị học                            |       | 3  | 25C9MAN50200102 | 65   | EE-DHKSVK50 | (K50KSV)_EE0001                            | 5   | 5  | 07g00 - 11g20 | B2.2 | 07/08/25 - 04/09/25 |         |
|                                         |       |    |                 |      |             |                                            | 6   | 5  | 07g00 - 11g20 | B2.2 | 08/08/25 - 29/08/25 |         |
| Quản trị học                            |       | 3  | 25C9MAN50200104 | 55   | IB-DHKSVK50 | (K50KSV)_IB0001                            | 2   | 5  | 12g45 - 17g05 | B2.2 | 15/09/25 - 13/10/25 |         |
|                                         |       |    |                 |      |             |                                            | 3   | 5  | 12g45 - 17g05 | B2.2 | 16/09/25 - 07/10/25 |         |
| Quản trị học                            |       | 3  | 25C9MAN50200105 | 50   | LM-DHKSVK50 | (K50KSV)_LM0001                            | 5   | 5  | 07g00 - 11g20 | D1.3 | 18/09/25 - 16/10/25 |         |
|                                         |       |    |                 |      |             |                                            | 6   | 5  | 07g00 - 11g20 | D1.3 | 19/09/25 - 10/10/25 |         |
| Quản trị học                            |       | 3  | 25C9MAN50200106 | 70   | MR-         | (K50KSV)                                   | 2   | 5  | 12g45 - 17g05 | D2.5 | 15/09/25 - 13/10/25 |         |

|                                     |  |   |                 |    |              |                 |   |   |               |      |                     |  |
|-------------------------------------|--|---|-----------------|----|--------------|-----------------|---|---|---------------|------|---------------------|--|
|                                     |  |   |                 |    | DHKS VK50    | MR0001          | 3 | 5 | 12g45 - 17g05 | D2.5 | 16/09/25 - 07/10/25 |  |
| Quản trị sự thay đổi                |  | 2 | 25C9MAN50213301 | 30 | AD-DHKS VK49 | (K49KSV)_AD0001 | 2 | 5 | 07g00 - 11g20 | D3.6 | 15/09/25 - 29/09/25 |  |
|                                     |  |   |                 |    |              |                 | 3 | 5 | 07g00 - 11g20 | D3.6 | 16/09/25 - 30/09/25 |  |
| Thẩm định dự án                     |  | 3 | 25C9MAN50201001 | 30 | AD-DHKS VK49 | (K49KSV)_AD0001 | 5 | 5 | 07g00 - 11g20 | D3.6 | 18/09/25 - 16/10/25 |  |
|                                     |  |   |                 |    |              |                 | 6 | 5 | 07g00 - 11g20 | D3.6 | 19/09/25 - 10/10/25 |  |
| Trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp |  | 3 | 25C9MAN50212401 | 30 | AD-DHKS VK49 | (K49KSV)_AD0001 | 5 | 5 | 07g00 - 11g20 | D3.6 | 30/10/25 - 27/11/25 |  |
|                                     |  |   |                 |    |              |                 | 6 | 5 | 07g00 - 11g20 | D3.6 | 31/10/25 - 28/11/25 |  |

**TRƯỜNG KINH DOANH**  
(**Khoa Kinh doanh quốc tế - Marketing**)

| HỌC PHẦN                                | VN/EN | TC | MÃ LHP          | SLĐK | NGÀNH/KHÓA   | LỚP SV                   | THỨ | ST | GIỜ HỌC       | GD   | THỜI GIAN HỌC       | GHI CHÚ |
|-----------------------------------------|-------|----|-----------------|------|--------------|--------------------------|-----|----|---------------|------|---------------------|---------|
| Chuỗi cung ứng trong thương mại điện tử |       | 3  | 25C9BUS50312402 | 50   | LM-DHKS VK49 | (K49KSV)_LM0001          | 2   | 5  | 12g45 - 17g05 | D3.5 | 04/08/25 - 08/09/25 |         |
|                                         |       |    |                 |      |              |                          | 3   | 5  | 12g45 - 17g05 | D3.5 | 05/08/25 - 26/08/25 |         |
| Kinh doanh quốc tế                      |       | 3  | 25C9BUS50305201 | 55   | IB-DHKS VK50 | (K50KSV)_IB0001          | 2   | 5  | 07g00 - 11g20 | B2.2 | 15/09/25 - 13/10/25 |         |
|                                         |       |    |                 |      |              |                          | 3   | 5  | 07g00 - 11g20 | B2.2 | 16/09/25 - 07/10/25 |         |
| Kinh doanh quốc tế                      |       | 3  | 25C9BUS50305202 | 50   | LM-DHKS VK50 | (K50KSV)_LM0001          | 2   | 5  | 07g00 - 11g20 | D1.3 | 15/09/25 - 13/10/25 |         |
|                                         |       |    |                 |      |              |                          | 3   | 5  | 07g00 - 11g20 | D1.3 | 16/09/25 - 07/10/25 |         |
| Kinh doanh quốc tế                      |       | 3  | 25C9BUS50305203 | 70   | MR-DHKS VK50 | (K50KSV)_MR0001          | 2   | 5  | 07g00 - 11g20 | D2.5 | 15/09/25 - 13/10/25 |         |
|                                         |       |    |                 |      |              |                          | 3   | 5  | 07g00 - 11g20 | D2.5 | 16/09/25 - 07/10/25 |         |
| Logistics quốc tế                       |       | 3  | 25C9BUS50310701 | 50   | IB-DHKS VK49 | (K49KSV)_IB0001          | 2   | 5  | 12g45 - 17g05 | D3.4 | 15/09/25 - 13/10/25 |         |
|                                         |       |    |                 |      |              |                          | 3   | 5  | 12g45 - 17g05 | D3.4 | 16/09/25 - 07/10/25 |         |
| Marketing quốc tế                       |       | 3  | 25C9MAR50301901 | 65   | MR-DHKS VK49 | (K49KSV)_MR0001          | 2   | 5  | 07g00 - 11g20 | D3.2 | 27/10/25 - 24/11/25 |         |
|                                         |       |    |                 |      |              |                          | 3   | 5  | 07g00 - 11g20 | D3.2 | 28/10/25 - 18/11/25 |         |
| Marketing quốc tế                       |       | 3  | 25C9MAR50301902 | 50   | IB-DHKS VK49 | (K49KSV)_HPTC.I.IB0001   | 5   | 5  | 12g45 - 17g05 | D3.4 | 18/09/25 - 16/10/25 |         |
|                                         |       |    |                 |      |              |                          | 6   | 5  | 12g45 - 17g05 | D3.4 | 19/09/25 - 10/10/25 |         |
| Mô phỏng kinh doanh                     |       | 3  | 25C9BUS50313002 | 50   | LM-DHKS VK49 | (K49KSV)_LM0001          | 2   | 5  | 07g00 - 11g20 | D3.5 | 15/09/25 - 13/10/25 |         |
|                                         |       |    |                 |      |              |                          | 3   | 5  | 07g00 - 11g20 | D3.5 | 16/09/25 - 07/10/25 |         |
| Nghiên cứu marketing                    |       | 3  | 25C9MAR50301701 | 50   | LM-DHKS VK49 | (K49KSV)_HPTC.II.LM0001  | 5   | 5  | 12g45 - 17g05 | D3.5 | 18/09/25 - 16/10/25 |         |
|                                         |       |    |                 |      |              |                          | 6   | 5  | 12g45 - 17g05 | D3.5 | 19/09/25 - 10/10/25 |         |
| Nghiên cứu marketing                    |       | 3  | 25C9MAR50301702 | 50   | IB-DHKS VK49 | (K49KSV)_HPTC.III.IB0001 | 2   | 5  | 07g00 - 11g20 | D3.4 | 04/08/25 - 08/09/25 |         |
|                                         |       |    |                 |      |              |                          | 3   | 5  | 07g00 - 11g20 | D3.4 | 05/08/25 - 26/08/25 |         |
| Nghiên cứu                              |       | 3  | 25C9MAR50301703 | 70   | MR-          | (K50KSV)                 | 5   | 5  | 12g45 - 17g05 | D2.5 | 07/08/25 - 04/09/25 |         |



|                                  |   |                 |    |              |                                 |        |   |   |               |      |                     |  |
|----------------------------------|---|-----------------|----|--------------|---------------------------------|--------|---|---|---------------|------|---------------------|--|
| marketing                        |   |                 |    |              | DHKS VK50                       | MR0001 | 6 | 5 | 12g45 - 17g05 | D2.5 | 08/08/25 - 29/08/25 |  |
| Nhập môn tâm lý học              | 2 | 25C9BUS50326402 | 65 | AD-DHKS VK50 | (K50KSV)_AD0001,(K50KSV)_AV0001 |        | 5 | 5 | 07g00 - 11g20 | D2.2 | 07/08/25 - 21/08/25 |  |
|                                  |   |                 |    |              |                                 |        | 6 | 5 | 07g00 - 11g20 | D2.2 | 08/08/25 - 22/08/25 |  |
|                                  |   |                 |    |              |                                 |        |   |   |               |      |                     |  |
| Nhập môn tâm lý học              | 2 | 25C9BUS50326404 | 65 | EE-DHKS VK50 | (K50KSV)_EE0001                 |        | 2 | 5 | 07g00 - 11g20 | B2.2 | 04/08/25 - 18/08/25 |  |
|                                  |   |                 |    |              |                                 |        | 3 | 5 | 07g00 - 11g20 | B2.2 | 05/08/25 - 19/08/25 |  |
| Nhập môn tâm lý học              | 2 | 25C9BUS50326405 | 50 | FN-DHKS VK50 | (K50KSV)_FN0001,(K50KSV)_TA0001 |        | 2 | 5 | 07g00 - 11g20 | D3.5 | 04/08/25 - 18/08/25 |  |
|                                  |   |                 |    |              |                                 |        | 3 | 5 | 07g00 - 11g20 | D3.5 | 05/08/25 - 19/08/25 |  |
| Nhập môn tâm lý học              | 2 | 25C9BUS50326406 | 55 | IB-DHKS VK50 | (K50KSV)_IB0001                 |        | 5 | 5 | 07g00 - 11g20 | D3.4 | 07/08/25 - 21/08/25 |  |
|                                  |   |                 |    |              |                                 |        | 6 | 5 | 07g00 - 11g20 | D3.4 | 08/08/25 - 22/08/25 |  |
| Nhập môn tâm lý học              | 2 | 25C9BUS50326407 | 55 | KN-DHKS VK50 | (K50KSV)_KN0001                 |        | 2 | 5 | 12g45 - 17g05 | D2.2 | 04/08/25 - 18/08/25 |  |
|                                  |   |                 |    |              |                                 |        | 3 | 5 | 12g45 - 17g05 | D2.2 | 05/08/25 - 19/08/25 |  |
| Nhập môn tâm lý học              | 2 | 25C9BUS50326408 | 64 | NH-DHKS VK50 | (K50KSV)_NH0001,(K50KSV)_KS0001 |        | 2 | 5 | 12g45 - 17g05 | D3.1 | 04/08/25 - 18/08/25 |  |
|                                  |   |                 |    |              |                                 |        | 3 | 5 | 12g45 - 17g05 | D3.1 | 05/08/25 - 19/08/25 |  |
| Nhập môn tâm lý học              | 2 | 25C9BUS50326409 | 50 | LM-DHKS VK50 | (K50KSV)_LM0001                 |        | 5 | 5 | 12g45 - 17g05 | D3.4 | 07/08/25 - 21/08/25 |  |
|                                  |   |                 |    |              |                                 |        | 6 | 5 | 12g45 - 17g05 | D3.4 | 08/08/25 - 22/08/25 |  |
| Nhập môn tâm lý học              | 2 | 25C9BUS50326410 | 70 | MR-DHKS VK50 | (K50KSV)_MR0001                 |        | 2 | 5 | 12g45 - 17g05 | D2.5 | 04/08/25 - 18/08/25 |  |
|                                  |   |                 |    |              |                                 |        | 3 | 5 | 12g45 - 17g05 | D2.5 | 05/08/25 - 19/08/25 |  |
| Phân tích kinh doanh             | 3 | 25C9BUS50318001 | 55 | IB-DHKS VK50 | (K50KSV)_IB0001                 |        | 5 | 5 | 07g00 - 11g20 | B2.2 | 18/09/25 - 16/10/25 |  |
|                                  |   |                 |    |              |                                 |        | 6 | 5 | 07g00 - 11g20 | B2.2 | 19/09/25 - 10/10/25 |  |
| Phân tích kinh doanh             | 3 | 25C9BUS50318002 | 70 | MR-DHKS VK50 | (K50KSV)_MR0001                 |        | 5 | 5 | 12g45 - 17g05 | D2.5 | 18/09/25 - 16/10/25 |  |
|                                  |   |                 |    |              |                                 |        | 6 | 5 | 12g45 - 17g05 | D2.5 | 19/09/25 - 10/10/25 |  |
| Quản trị chiến lược toàn cầu     | 3 | 25C9BUS50317802 | 50 | LM-DHKS VK49 | (K49KSV)_LM0001                 |        | 5 | 5 | 07g00 - 11g20 | D3.5 | 30/10/25 - 27/11/25 |  |
|                                  |   |                 |    |              |                                 |        | 6 | 5 | 07g00 - 11g20 | D3.5 | 31/10/25 - 28/11/25 |  |
| Quản trị chuỗi cung ứng toàn cầu | 3 | 25C9BUS50317901 | 65 | MR-DHKS VK49 | (K49KSV)_MR0001                 |        | 5 | 5 | 07g00 - 11g20 | D3.2 | 30/10/25 - 27/11/25 |  |
|                                  |   |                 |    |              |                                 |        | 6 | 5 | 07g00 - 11g20 | D3.2 | 31/10/25 - 28/11/25 |  |
| Quản trị chuỗi cung ứng toàn cầu | 3 | 25C9BUS50317902 | 50 | LM-DHKS VK50 | (K50KSV)_LM0001                 |        | 2 | 5 | 12g45 - 17g05 | D3.5 | 27/10/25 - 24/11/25 |  |
|                                  |   |                 |    |              |                                 |        | 3 | 5 | 12g45 - 17g05 | D3.5 | 28/10/25 - 18/11/25 |  |
| Quản trị marketing               | 3 | 25C9MAR50301801 | 65 | MR-DHKS VK49 | (K49KSV)_MR0001                 |        | 2 | 5 | 12g45 - 17g05 | D3.2 | 15/09/25 - 13/10/25 |  |
|                                  |   |                 |    |              |                                 |        | 3 | 5 | 12g45 - 17g05 | D3.2 | 16/09/25 - 07/10/25 |  |
| Quản trị nguồn nhân lực quốc tế  | 3 | 25C9BUS50318202 | 50 | IB-DHKS VK49 | (K49KSV)_IB0001                 |        | 5 | 5 | 12g45 - 17g05 | D3.4 | 30/10/25 - 27/11/25 |  |
|                                  |   |                 |    |              |                                 |        | 6 | 5 | 12g45 - 17g05 | D3.4 | 31/10/25 - 28/11/25 |  |
| Quản trị quan hệ khách hàng      | 3 | 25C9COM50302401 | 65 | MR-DHKS VK49 | (K49KSV)_HPTC.I.M               |        | 5 | 5 | 12g45 - 17g05 | D3.2 | 07/08/25 - 04/09/25 |  |
|                                  |   |                 |    |              |                                 |        | 6 | 5 | 12g45 - 17g05 | D3.2 | 08/08/25 - 29/08/25 |  |

|                                 |    |   |                 |    |             |                         |   |   |               |      |                     |  |
|---------------------------------|----|---|-----------------|----|-------------|-------------------------|---|---|---------------|------|---------------------|--|
| (CRM)                           |    |   |                 |    |             | R0001                   |   |   |               |      |                     |  |
| Quản trị xuất nhập khẩu         |    | 3 | 25C9BUS50301201 | 50 | LM-DHKSVK49 | (K49KSV)_LM0001         | 2 | 5 | 07g00 - 11g20 | D3.5 | 27/10/25 - 24/11/25 |  |
|                                 |    |   |                 |    |             |                         | 3 | 5 | 07g00 - 11g20 | D3.5 | 28/10/25 - 18/11/25 |  |
| Quản trị xuất nhập khẩu         |    | 3 | 25C9BUS50301202 | 50 | IB-DHKSVK49 | (K49KSV)_IB0001         | 2 | 5 | 12g45 - 17g05 | D3.4 | 27/10/25 - 24/11/25 |  |
|                                 |    |   |                 |    |             |                         | 3 | 5 | 12g45 - 17g05 | D3.4 | 28/10/25 - 18/11/25 |  |
| Quảng cáo                       |    | 3 | 25C9MAR50303701 | 65 | MR-DHKSVK49 | (K49KSV)_HPTC.II.MR0001 | 5 | 5 | 12g45 - 17g05 | D3.2 | 18/09/25 - 16/10/25 |  |
|                                 |    |   |                 |    |             |                         | 6 | 5 | 12g45 - 17g05 | D3.2 | 19/09/25 - 10/10/25 |  |
| Thương mại quốc tế              |    | 3 | 25C9COM50302202 | 50 | IB-DHKSVK49 | (K49KSV)_IB0001         | 5 | 5 | 07g00 - 11g20 | D3.4 | 18/09/25 - 16/10/25 |  |
|                                 |    |   |                 |    |             |                         | 6 | 5 | 07g00 - 11g20 | D3.4 | 19/09/25 - 10/10/25 |  |
| Truyền thông Marketing tích hợp |    | 3 | 25C9MAR50319501 | 65 | MR-DHKSVK49 | (K49KSV)_MR0001         | 2 | 5 | 07g00 - 11g20 | D3.2 | 15/09/25 - 13/10/25 |  |
|                                 |    |   |                 |    |             |                         | 3 | 5 | 07g00 - 11g20 | D3.2 | 16/09/25 - 07/10/25 |  |
| Vận tải và bảo hiểm             |    | 3 | 25C9BUS50312302 | 50 | LM-DHKSVK49 | (K49KSV)_LM0001         | 2 | 5 | 12g45 - 17g05 | D3.5 | 15/09/25 - 13/10/25 |  |
|                                 |    |   |                 |    |             |                         | 3 | 5 | 12g45 - 17g05 | D3.5 | 16/09/25 - 07/10/25 |  |
| Kinh doanh quốc tế - EN         | EN | 3 | 25C9BUS50326101 | 25 | AV-DHKSVK49 | (K49KSV)_AV0001         | 2 | 5 | 07g00 - 11g20 | D2.3 | 15/09/25 - 13/10/25 |  |
|                                 |    |   |                 |    |             |                         | 3 | 5 | 07g00 - 11g20 | D2.3 | 16/09/25 - 07/10/25 |  |

**TRƯỜNG KINH DOANH**  
(Khoa Tài chính)

| HỌC PHẦN                         | VN/EN | TC | MÃ LHP          | SL ĐK | NGÀNH/KHÓA  | LỚP SV          | THỨ | ST | GIỜ HỌC       | GD   | THỜI GIAN HỌC       | GHI CHÚ |
|----------------------------------|-------|----|-----------------|-------|-------------|-----------------|-----|----|---------------|------|---------------------|---------|
| Kinh tế lượng tài chính nâng cao |       | 3  | 25C9FIN50501001 | 35    | FN-DHKSVK49 | (K49KSV)_FN0001 | 2   | 5  | 07g00 - 11g20 | D2.4 | 27/10/25 - 24/11/25 |         |
|                                  |       |    |                 |       |             |                 | 3   | 5  | 07g00 - 11g20 | D2.4 | 28/10/25 - 18/11/25 |         |
| Lý thuyết tài chính              |       | 3  | 25C9FIN50507201 | 35    | FN-DHKSVK50 | (K50KSV)_FN0001 | 5   | 5  | 07g00 - 11g20 | D2.6 | 18/09/25 - 16/10/25 |         |
|                                  |       |    |                 |       |             |                 | 6   | 5  | 07g00 - 11g20 | D2.6 | 19/09/25 - 10/10/25 |         |
| Phân tích tài chính              |       | 3  | 25C9FIN50509601 | 35    | FN-DHKSVK49 | (K49KSV)_FN0001 | 2   | 5  | 07g00 - 11g20 | D2.4 | 15/09/25 - 13/10/25 |         |
|                                  |       |    |                 |       |             |                 | 3   | 5  | 07g00 - 11g20 | D2.4 | 16/09/25 - 07/10/25 |         |
| Quản trị rủi ro tài chính        |       | 3  | 25C9FIN50501601 | 35    | FN-DHKSVK49 | (K49KSV)_FN0001 | 2   | 5  | 12g45 - 17g05 | D2.4 | 15/09/25 - 13/10/25 |         |
|                                  |       |    |                 |       |             |                 | 3   | 5  | 12g45 - 17g05 | D2.4 | 16/09/25 - 07/10/25 |         |
| Quản trị tài chính               |       | 3  | 25C9FIN50503901 | 55    | IB-DHKSVK50 | (K50KSV)_IB0001 | 2   | 5  | 12g45 - 17g05 | D2.1 | 27/10/25 - 24/11/25 |         |
|                                  |       |    |                 |       |             |                 | 3   | 5  | 12g45 - 17g05 | D2.1 | 28/10/25 - 18/11/25 |         |
| Sáp nhập, mua lại và tái cấu     |       | 3  | 25C9FIN50509001 | 35    | FN-DHKSVK49 | (K49KSV)_FN0001 | 5   | 5  | 12g45 - 17g05 | D2.4 | 18/09/25 - 16/10/25 |         |
|                                  |       |    |                 |       |             |                 | 6   | 5  | 12g45 - 17g05 | D2.4 | 19/09/25 - 10/10/25 |         |

|                                 |   |                 |    |             |                                 |   |   |               |      |                     |  |  |
|---------------------------------|---|-----------------|----|-------------|---------------------------------|---|---|---------------|------|---------------------|--|--|
| trúc doanh nghiệp               |   |                 |    |             |                                 |   |   |               |      |                     |  |  |
| Tài chính công ty đa quốc gia   | 3 | 25C9FIN50501401 | 35 | FN-DHKSVK49 | (K49KSV)_FN0001                 | 5 | 5 | 07g00 - 11g20 | D2.4 | 07/08/25 - 04/09/25 |  |  |
|                                 |   |                 |    |             |                                 | 6 | 5 | 07g00 - 11g20 | D2.4 | 08/08/25 - 29/08/25 |  |  |
| Tài chính doanh nghiệp          | 3 | 25C9FIN50508401 | 50 | FN-DHKSVK50 | (K50KSV)_FN0001,(K50KSV)_TA0001 | 2 | 5 | 07g00 - 11g20 | D2.6 | 27/10/25 - 24/11/25 |  |  |
|                                 |   |                 |    |             |                                 | 3 | 5 | 07g00 - 11g20 | D2.6 | 28/10/25 - 18/11/25 |  |  |
| Tài chính doanh nghiệp          | 3 | 25C9FIN50508402 | 55 | KN-DHKSVK50 | (K50KSV)_KN0001                 | 5 | 5 | 12g45 - 17g05 | D2.2 | 18/09/25 - 16/10/25 |  |  |
|                                 |   |                 |    |             |                                 | 6 | 5 | 12g45 - 17g05 | D2.2 | 19/09/25 - 10/10/25 |  |  |
| Tài chính doanh nghiệp          | 3 | 25C9FIN50508403 | 45 | NH-DHKSVK50 | (K50KSV)_NH0001                 | 2 | 5 | 12g45 - 17g05 | D1.7 | 15/09/25 - 13/10/25 |  |  |
|                                 |   |                 |    |             |                                 | 3 | 5 | 12g45 - 17g05 | D1.7 | 16/09/25 - 07/10/25 |  |  |
| Tài chính doanh nghiệp nâng cao | 3 | 25C9FIN50500301 | 35 | FN-DHKSVK49 | (K49KSV)_FN0001                 | 5 | 5 | 12g45 - 17g05 | D2.4 | 30/10/25 - 27/11/25 |  |  |
|                                 |   |                 |    |             |                                 | 6 | 5 | 12g45 - 17g05 | D2.4 | 31/10/25 - 28/11/25 |  |  |

**TRƯỜNG KINH DOANH**  
(Khoa Ngân hàng)

| HỌC PHẦN                              | VN/EN | TC              | MÃ LHP | SLĐK        | NGÀNH/KHÓA              | LỚP SV | THỨ | ST | GIỜ HỌC       | GD   | THỜI GIAN HỌC       | GHI CHÚ |
|---------------------------------------|-------|-----------------|--------|-------------|-------------------------|--------|-----|----|---------------|------|---------------------|---------|
| Chính sách tiền tệ                    | 3     | 25C9BAN50601601 | 35     | NH-DHKSVK49 | (K49KSV)_HPTC.I.NH0001  |        | 2   | 5  | 07g00 - 11g20 | D2.6 | 15/09/25 - 13/10/25 |         |
|                                       |       |                 |        |             |                         |        | 3   | 5  | 07g00 - 11g20 | D2.6 | 16/09/25 - 07/10/25 |         |
| Hoạt động bảo hiểm qua kênh ngân hàng | 3     | 25C9BAN50608901 | 35     | NH-DHKSVK49 | (K49KSV)_HPTC.II.NH0001 |        | 2   | 5  | 12g45 - 17g05 | D2.6 | 27/10/25 - 24/11/25 |         |
|                                       |       |                 |        |             |                         |        | 3   | 5  | 12g45 - 17g05 | D2.6 | 28/10/25 - 18/11/25 |         |
| Kế toán ngân hàng                     | 3     | 25C9BAN50601201 | 35     | NH-DHKSVK49 | (K49KSV)_NH0001         |        | 2   | 5  | 12g45 - 17g05 | D2.6 | 15/09/25 - 13/10/25 |         |
|                                       |       |                 |        |             |                         |        | 3   | 5  | 12g45 - 17g05 | D2.6 | 16/09/25 - 07/10/25 |         |
| Kinh doanh ngoại hối                  | 3     | 25C9BAN50603201 | 35     | NH-DHKSVK49 | (K49KSV)_NH0001         |        | 5   | 5  | 12g45 - 17g05 | D2.6 | 30/10/25 - 27/11/25 |         |
|                                       |       |                 |        |             |                         |        | 6   | 5  | 12g45 - 17g05 | D2.6 | 31/10/25 - 28/11/25 |         |
| Ngân hàng thương mại                  | 3     | 25C9BAN50600601 | 45     | NH-DHKSVK50 | (K50KSV)_NH0001         |        | 5   | 5  | 07g00 - 11g20 | D2.3 | 07/08/25 - 04/09/25 |         |
|                                       |       |                 |        |             |                         |        | 6   | 5  | 07g00 - 11g20 | D2.3 | 08/08/25 - 29/08/25 |         |
| Quản trị ngân hàng                    | 3     | 25C9BAN50601101 | 35     | NH-DHKSVK49 | (K49KSV)_NH0001         |        | 5   | 5  | 12g45 - 17g05 | D2.6 | 18/09/25 - 16/10/25 |         |
|                                       |       |                 |        |             |                         |        | 6   | 5  | 12g45 - 17g05 | D2.6 | 19/09/25 - 10/10/25 |         |

|                                      |  |   |                 |    |             |                 |   |   |               |      |                     |  |
|--------------------------------------|--|---|-----------------|----|-------------|-----------------|---|---|---------------|------|---------------------|--|
| Quản trị và chiến lược ngân hàng     |  | 3 | 25C9BAN50608401 | 20 | TA-DHKSVK50 | (K50KSV)_TA0001 | 2 | 5 | 12g45 - 17g05 | D1.3 | 15/09/25 - 13/10/25 |  |
|                                      |  |   |                 |    |             |                 | 3 | 5 | 12g45 - 17g05 | D1.3 | 16/09/25 - 07/10/25 |  |
| Tài chính cá nhân                    |  | 3 | 25C9BAN50611401 | 45 | NH-DHKSVK50 | (K50KSV)_NH0001 | 5 | 5 | 12g45 - 17g05 | D2.3 | 18/09/25 - 16/10/25 |  |
|                                      |  |   |                 |    |             |                 | 6 | 5 | 12g45 - 17g05 | D2.3 | 19/09/25 - 10/10/25 |  |
| Thị trường và các định chế tài chính |  | 3 | 25C9BAN50608801 | 45 | NH-DHKSVK50 | (K50KSV)_NH0001 | 2 | 5 | 07g00 - 11g20 | D2.2 | 15/09/25 - 13/10/25 |  |
|                                      |  |   |                 |    |             |                 | 3 | 5 | 07g00 - 11g20 | D2.2 | 16/09/25 - 07/10/25 |  |

**TRƯỜNG KINH DOANH**  
(Khoa Kế toán)

| HỌC PHẦN                    | VN/E N | TC | MÃ LHP          | SL DK | NGÀNH/KH ÓA | LỚP SV                          | THỨ | ST | GIỜ HỌC       | GD   | THỜI GIAN HỌC       | GHI CHÚ |
|-----------------------------|--------|----|-----------------|-------|-------------|---------------------------------|-----|----|---------------|------|---------------------|---------|
| An toàn thông tin kế toán   |        | 3  | 25C9ACC50707901 | 50    | KN-DHKSVK49 | (K49KSV)_KN0001                 | 2   | 5  | 07g00 - 11g20 | D3.1 | 27/10/25 - 24/11/25 |         |
|                             |        |    |                 |       |             |                                 | 3   | 5  | 07g00 - 11g20 | D3.1 | 28/10/25 - 18/11/25 |         |
| Kế toán công                |        | 3  | 25C9ACC50706501 | 50    | KN-DHKSVK49 | (K49KSV)_KN0001                 | 5   | 5  | 07g00 - 11g20 | D3.1 | 18/09/25 - 16/10/25 |         |
|                             |        |    |                 |       |             |                                 | 6   | 5  | 07g00 - 11g20 | D3.1 | 19/09/25 - 10/10/25 |         |
| Kế toán công                |        | 3  | 25C9ACC50706502 | 55    | KN-DHKSVK50 | (K50KSV)_KN0001                 | 2   | 5  | 12g45 - 17g05 | D2.2 | 15/09/25 - 13/10/25 |         |
|                             |        |    |                 |       |             |                                 | 3   | 5  | 12g45 - 17g05 | D2.2 | 16/09/25 - 07/10/25 |         |
| Kế toán quản trị            |        | 3  | 25C9ACC50701101 | 35    | AD-DHKSVK50 | (K50KSV)_AD0001                 | 5   | 5  | 12g45 - 17g05 | D1.2 | 18/09/25 - 16/10/25 |         |
|                             |        |    |                 |       |             |                                 | 6   | 5  | 12g45 - 17g05 | D1.2 | 19/09/25 - 10/10/25 |         |
| Kế toán quản trị            |        | 3  | 25C9ACC50701102 | 35    | FN-DHKSVK50 | (K50KSV)_HPTC.I.FN0001          | 2   | 5  | 12g45 - 17g05 | D2.7 | 15/09/25 - 13/10/25 |         |
|                             |        |    |                 |       |             |                                 | 3   | 5  | 12g45 - 17g05 | D2.7 | 16/09/25 - 07/10/25 |         |
| Kế toán tập đoàn            |        | 3  | 25C9ACC50720301 | 50    | KN-DHKSVK49 | (K49KSV)_KN0001                 | 5   | 5  | 07g00 - 11g20 | D3.1 | 30/10/25 - 27/11/25 |         |
|                             |        |    |                 |       |             |                                 | 6   | 5  | 07g00 - 11g20 | D3.1 | 31/10/25 - 28/11/25 |         |
| Kế toán tài chính Việt Nam  |        | 3  | 25C9ACC50720101 | 50    | KN-DHKSVK49 | (K49KSV)_KN0001                 | 5   | 5  | 07g00 - 11g20 | D3.1 | 07/08/25 - 04/09/25 |         |
|                             |        |    |                 |       |             |                                 | 6   | 5  | 07g00 - 11g20 | D3.1 | 08/08/25 - 29/08/25 |         |
| Kế toán tài chính căn bản   |        | 3  | 25C9ACC50719501 | 50    | FN-DHKSVK50 | (K50KSV)_FN0001,(K50KSV)_TA0001 | 5   | 5  | 07g00 - 11g20 | D2.7 | 30/10/25 - 27/11/25 |         |
|                             |        |    |                 |       |             |                                 | 6   | 5  | 07g00 - 11g20 | D2.7 | 31/10/25 - 28/11/25 |         |
| Kế toán tài chính căn bản   |        | 3  | 25C9ACC50719502 | 55    | KN-DHKSVK50 | (K50KSV)_KN0001                 | 5   | 5  | 12g45 - 17g05 | D3.1 | 07/08/25 - 04/09/25 |         |
|                             |        |    |                 |       |             |                                 | 6   | 5  | 12g45 - 17g05 | D3.1 | 08/08/25 - 29/08/25 |         |
| Kiểm toán báo cáo tài chính |        | 3  | 25C9ACC50712701 | 50    | KN-DHKSVK49 | (K49KSV)_KN0001                 | 5   | 5  | 12g45 - 17g05 | D3.1 | 18/09/25 - 16/10/25 |         |
|                             |        |    |                 |       |             |                                 | 6   | 5  | 12g45 - 17g05 | D3.1 | 19/09/25 - 10/10/25 |         |
| Nghiên cứu                  |        | 3  | 25C9ACC50719701 | 55    | KN-         | (K50KSV)                        | 5   | 5  | 07g00 - 11g20 | D2.2 | 18/09/25 - 16/10/25 |         |

|                                         |   |                 |    |              |                 |        |   |               |               |                     |                     |  |
|-----------------------------------------|---|-----------------|----|--------------|-----------------|--------|---|---------------|---------------|---------------------|---------------------|--|
| khoa học và kỹ năng viết học thuật      |   |                 |    |              | DHKS VK50       | KN0001 | 6 | 5             | 07g00 - 11g20 | D2.2                | 19/09/25 - 10/10/25 |  |
| Phân tích báo cáo tài chính             | 3 | 25C9ACC50702001 | 50 | KN-DHKS VK49 | (K49KSV)_KN0001 | 2      | 5 | 07g00 - 11g20 | D3.1          | 15/09/25 - 13/10/25 |                     |  |
|                                         |   |                 |    |              |                 | 3      | 5 | 07g00 - 11g20 | D3.1          | 16/09/25 - 07/10/25 |                     |  |
| Thông tin chi phí phục vụ ra quyết định | 3 | 25C9ACC50719801 | 55 | KN-DHKS VK50 | (K50KSV)_KN0001 | 5      | 5 | 12g45 - 17g05 | D3.6          | 30/10/25 - 27/11/25 |                     |  |
|                                         |   |                 |    |              |                 | 6      | 5 | 12g45 - 17g05 | D3.6          | 31/10/25 - 28/11/25 |                     |  |

**TRƯỜNG KINH DOANH**  
(Khoa Du lịch)

| HỌC PHẦN                  | VN/EN | TC | MÃ LHP          | SL<br>ĐK | NGÀNH/KH<br>ÓA  | LỚP SV              | THỨ | ST | GIỜ HỌC       | GD   | THỜI GIAN HỌC       | GHI<br>CHÚ |
|---------------------------|-------|----|-----------------|----------|-----------------|---------------------|-----|----|---------------|------|---------------------|------------|
| Khoa học quản<br>trị      |       | 3  | 25C9TOU51500201 | 40       | KS-<br>DHKSVK50 | (K50KSV)_<br>KS0001 | 2   | 5  | 12g45 - 17g05 | D3.1 | 27/10/25 - 24/11/25 |            |
|                           |       |    |                 |          |                 |                     | 3   | 5  | 12g45 - 17g05 | D3.1 | 28/10/25 - 18/11/25 |            |
| Quản trị du lịch          |       | 3  | 25C9TOU51500101 | 30       | KS-<br>DHKSVK50 | (K50KSV)_<br>KS0001 | 5   | 5  | 07g00 - 11g20 | D3.7 | 18/09/25 - 16/10/25 |            |
|                           |       |    |                 |          |                 |                     | 6   | 5  | 07g00 - 11g20 | D3.7 | 19/09/25 - 10/10/25 |            |
| Quản trị đám<br>đông      |       | 3  | 25C9TOU51500401 | 30       | KS-<br>DHKSVK50 | (K50KSV)_<br>KS0001 | 5   | 5  | 07g00 - 11g20 | D3.5 | 07/08/25 - 04/09/25 |            |
|                           |       |    |                 |          |                 |                     | 6   | 5  | 07g00 - 11g20 | D3.5 | 08/08/25 - 29/08/25 |            |
| Tiếp thị trong<br>du lịch |       | 3  | 25C9TOU51506601 | 30       | KS-<br>DHKSVK50 | (K50KSV)_<br>KS0001 | 2   | 5  | 07g00 - 11g20 | D3.4 | 15/09/25 - 13/10/25 |            |
|                           |       |    |                 |          |                 |                     | 3   | 5  | 07g00 - 11g20 | D3.4 | 16/09/25 - 07/10/25 |            |

**TRƯỜNG CÔNG NGHỆ VÀ THIẾT KẾ**  
(Khoa Công nghệ thông tin kinh doanh)

| HỌC PHẦN                                       | VN/E<br>N | TC | MÃ LHP          | SL<br>DK | NGÀNH/KH<br>ÓA   | LỚP SV              | THỨ | ST | GIỜ HỌC       | GD   | THỜI GIAN HỌC       | GHI<br>CHÚ |
|------------------------------------------------|-----------|----|-----------------|----------|------------------|---------------------|-----|----|---------------|------|---------------------|------------|
| An ninh thông<br>tin                           |           | 3  | 25C9INF50904001 | 20       | TI-<br>DHKS VK50 | (K50KSV)_<br>TI0001 | 2   | 5  | 12g45 - 17g05 | D2.7 | 27/10/25 - 24/11/25 |            |
|                                                |           |    |                 |          |                  |                     | 3   | 5  | 12g45 - 17g05 | D2.7 | 28/10/25 - 18/11/25 |            |
| Chiến lược kinh<br>doanh thương<br>mại điện tử |           | 3  | 25C9INF50902901 | 50       | EE-<br>DHKS VK49 | (K49KSV)_<br>EE0001 | 2   | 5  | 12g45 - 17g05 | D2.1 | 15/09/25 - 13/10/25 |            |
|                                                |           |    |                 |          |                  |                     | 3   | 5  | 12g45 - 17g05 | D2.1 | 16/09/25 - 07/10/25 |            |
| Công nghệ<br>thương mại điện                   |           | 3  | 25C9INF50902601 | 50       | EE-<br>DHKS VK49 | (K49KSV)_<br>EE0001 | 2   | 5  | 07g00 - 11g20 | A2.6 | 27/10/25 - 24/11/25 |            |
|                                                |           |    |                 |          |                  |                     | 3   | 5  | 07g00 - 11g20 | A2.6 | 28/10/25 - 18/11/25 |            |

|                                        |    |   |                 |    |                 |                     |   |   |               |      |                     |  |
|----------------------------------------|----|---|-----------------|----|-----------------|---------------------|---|---|---------------|------|---------------------|--|
| từ                                     |    |   |                 |    |                 |                     |   |   |               |      |                     |  |
| Cơ sở lập trình                        |    | 3 | 25C9INF50900501 | 65 | EE-<br>DHKSVK50 | (K50KSV)_<br>EE0001 | 2 | 5 | 12g45 - 17g05 | A2.6 | 27/10/25 - 24/11/25 |  |
|                                        |    |   |                 |    |                 |                     | 3 | 5 | 12g45 - 17g05 | A2.6 | 28/10/25 - 18/11/25 |  |
| Hệ thống thông tin quản lý             |    | 3 | 25C9INF50900801 | 65 | EE-<br>DHKSVK50 | (K50KSV)_<br>EE0001 | 5 | 5 | 12g45 - 17g05 | A2.6 | 18/09/25 - 16/10/25 |  |
|                                        |    |   |                 |    |                 |                     | 6 | 5 | 12g45 - 17g05 | A2.6 | 19/09/25 - 10/10/25 |  |
| Hệ thống thông tin quản lý             |    | 3 | 25C9INF50900802 | 50 | LM-<br>DHKSVK50 | (K50KSV)_<br>LM0001 | 2 | 5 | 12g45 - 17g05 | D3.4 | 04/08/25 - 08/09/25 |  |
|                                        |    |   |                 |    |                 |                     | 3 | 5 | 12g45 - 17g05 | D3.4 | 05/08/25 - 26/08/25 |  |
| Khoa học dữ liệu                       |    | 2 | 25C9INF50905901 | 50 | EE-<br>DHKSVK49 | (K49KSV)_<br>EE0001 | 2 | 5 | 07g00 - 11g20 | A2.6 | 04/08/25 - 18/08/25 |  |
|                                        |    |   |                 |    |                 |                     | 3 | 5 | 07g00 - 11g20 | A2.6 | 05/08/25 - 19/08/25 |  |
| Khoa học dữ liệu                       |    | 2 | 25C9INF50905902 | 35 | FN-<br>DHKSVK50 | (K50KSV)_<br>FN0001 | 5 | 5 | 12g45 - 17g05 | D2.1 | 07/08/25 - 21/08/25 |  |
|                                        |    |   |                 |    |                 |                     | 6 | 5 | 12g45 - 17g05 | D2.1 | 08/08/25 - 22/08/25 |  |
| Marketing kỹ thuật số                  |    | 3 | 25C9INF50903201 | 50 | EE-<br>DHKSVK49 | (K49KSV)_<br>EE0001 | 5 | 5 | 07g00 - 11g20 | A2.6 | 30/10/25 - 27/11/25 |  |
|                                        |    |   |                 |    |                 |                     | 6 | 5 | 07g00 - 11g20 | A2.6 | 31/10/25 - 28/11/25 |  |
| Phát triển ứng dụng thương mại điện tử |    | 3 | 25C9INF50902701 | 50 | EE-<br>DHKSVK49 | (K49KSV)_<br>EE0001 | 5 | 5 | 12g45 - 17g05 | A2.6 | 07/08/25 - 04/09/25 |  |
|                                        |    |   |                 |    |                 |                     | 6 | 5 | 12g45 - 17g05 | A2.6 | 08/08/25 - 29/08/25 |  |
| Quản trị dự án thương mại điện tử      |    | 3 | 25C9INF50903101 | 50 | EE-<br>DHKSVK49 | (K49KSV)_<br>EE0001 | 5 | 5 | 12g45 - 17g05 | D2.1 | 18/09/25 - 16/10/25 |  |
|                                        |    |   |                 |    |                 |                     | 6 | 5 | 12g45 - 17g05 | D2.1 | 19/09/25 - 10/10/25 |  |
| Toán dành cho tin học                  |    | 3 | 25C9INF50901101 | 65 | EE-<br>DHKSVK50 | (K50KSV)_<br>EE0001 | 2 | 5 | 07g00 - 11g20 | A2.6 | 15/09/25 - 13/10/25 |  |
|                                        |    |   |                 |    |                 |                     | 3 | 5 | 07g00 - 11g20 | A2.6 | 16/09/25 - 07/10/25 |  |
| Tin học trong kinh doanh (EN)          | EN | 2 | 25C9INF50907101 | 30 | AV-<br>DHKSVK50 | (K50KSV)_<br>AV0001 | 5 | 5 | 07g00 - 11g20 | A3.2 | 30/10/25 - 13/11/25 |  |
|                                        |    |   |                 |    |                 |                     | 6 | 5 | 07g00 - 11g20 | A3.2 | 31/10/25 - 14/11/25 |  |

## TRƯỜNG CÔNG NGHỆ VÀ THIẾT KẾ

### (Viện Đổi mới sáng tạo)

| HỌC PHẦN                           | VN/EN | TC | MÃ LHP          | SL DK | NGÀNH/KHÓA      | LỚP SV              | THỨ | ST | GIỜ HỌC       | GD   | THỜI GIAN HỌC       | GHI CHÚ |
|------------------------------------|-------|----|-----------------|-------|-----------------|---------------------|-----|----|---------------|------|---------------------|---------|
| Hệ thống kỹ thuật số căn bản       |       | 3  | 25C9TEC55002401 | 20    | TI-<br>DHKSVK50 | (K50KSV)_<br>TI0001 | 2   | 5  | 12g45 - 17g05 | D3.1 | 15/09/25 - 13/10/25 |         |
|                                    |       |    |                 |       |                 |                     | 3   | 5  | 12g45 - 17g05 | D3.1 | 16/09/25 - 07/10/25 |         |
| Hệ thống đổi mới sáng tạo toàn cầu |       | 3  | 25C9TEC55000301 | 20    | TI-<br>DHKSVK50 | (K50KSV)_<br>TI0001 | 5   | 5  | 07g00 - 11g20 | D3.5 | 18/09/25 - 16/10/25 |         |
|                                    |       |    |                 |       |                 |                     | 6   | 5  | 07g00 - 11g20 | D3.5 | 19/09/25 - 10/10/25 |         |
| Khoa học dữ liệu nâng cao          |       | 3  | 25C9TEC55002301 | 20    | TI-<br>DHKSVK50 | (K50KSV)_<br>TI0001 | 5   | 5  | 07g00 - 11g20 | A2.6 | 07/08/25 - 04/09/25 |         |
|                                    |       |    |                 |       |                 |                     | 6   | 5  | 07g00 - 11g20 | A2.6 | 08/08/25 - 29/08/25 |         |
| Lập trình ứng dụng                 |       | 3  | 25C9TEC55002501 | 20    | TI-<br>DHKSVK50 | (K50KSV)_<br>TI0001 | 2   | 5  | 12g45 - 17g05 | A2.6 | 04/08/25 - 08/09/25 |         |
|                                    |       |    |                 |       |                 |                     | 3   | 5  | 12g45 - 17g05 | A2.6 | 05/08/25 - 26/08/25 |         |

**TRƯỜNG CÔNG NGHỆ VÀ THIẾT KẾ**  
(Viện Công nghệ thông minh và tương tác)

| HỌC PHẦN                       | VN/EN | TC | MÃ LHP          | SL<br>ĐK | NGÀNH/KH<br>ÓA | LỚP SV              | THỨ | ST | GIỜ HỌC       | GD   | THỜI GIAN HỌC       | GHI<br>CHÚ |
|--------------------------------|-------|----|-----------------|----------|----------------|---------------------|-----|----|---------------|------|---------------------|------------|
| Cơ cấu chấp hành và cảm biến   |       | 3  | 25C9INT54701501 | 15       | RA-DHKSVK50    | (K50KSV)_<br>RA0001 | 2   | 5  | 07g00 - 11g20 | D1.7 | 04/08/25 - 08/09/25 |            |
|                                |       |    |                 |          |                |                     | 2   | 5  | 12g45 - 17g05 | D1.7 | 04/08/25 - 25/08/25 |            |
| Cơ kỹ thuật 2                  |       | 3  | 25C9INT54701101 | 15       | RA-DHKSVK50    | (K50KSV)_<br>RA0001 | 5   | 5  | 12g45 - 17g05 | D1.7 | 07/08/25 - 04/09/25 |            |
|                                |       |    |                 |          |                |                     | 6   | 5  | 12g45 - 17g05 | D1.7 | 08/08/25 - 29/08/25 |            |
| Học máy                        |       | 3  | 25C9INT54703401 | 15       | RA-DHKSVK50    | (K50KSV)_<br>RA0001 | 2   | 5  | 12g45 - 17g05 | D1.7 | 27/10/25 - 24/11/25 |            |
|                                |       |    |                 |          |                |                     | 3   | 5  | 12g45 - 17g05 | D1.7 | 28/10/25 - 18/11/25 |            |
| Khoa học máy tính 2            |       | 3  | 25C9INT54702001 | 15       | RA-DHKSVK50    | (K50KSV)_<br>RA0001 | 3   | 5  | 07g00 - 11g20 | D1.7 | 05/08/25 - 09/09/25 |            |
|                                |       |    |                 |          |                |                     | 4   | 5  | 07g00 - 11g20 | D1.7 | 06/08/25 - 27/08/25 |            |
| Kinh tế kỹ thuật               |       | 3  | 25C9INT54700501 | 15       | RA-DHKSVK50    | (K50KSV)_<br>RA0001 | 7   | 5  | 07g00 - 11g20 | D1.7 | 09/08/25 - 06/09/25 |            |
|                                |       |    |                 |          |                |                     | 7   | 5  | 12g45 - 17g05 | D1.7 | 09/08/25 - 30/08/25 |            |
| Kỹ thuật robot 1               |       | 3  | 25C9INT54701801 | 15       | RA-DHKSVK50    | (K50KSV)_<br>RA0001 | 7   | 5  | 12g45 - 17g05 | D1.7 | 01/11/25 - 22/11/25 |            |
|                                |       |    |                 |          |                |                     | 7   | 5  | 07g00 - 11g20 | D1.7 | 01/11/25 - 29/11/25 |            |
| Lý thuyết điều khiển tự động   |       | 3  | 25C9INT54701201 | 15       | RA-DHKSVK50    | (K50KSV)_<br>RA0001 | 5   | 5  | 07g00 - 11g20 | D1.7 | 07/08/25 - 04/09/25 |            |
|                                |       |    |                 |          |                |                     | 6   | 5  | 07g00 - 11g20 | D1.7 | 08/08/25 - 29/08/25 |            |
| Thiết kế máy                   |       | 3  | 25C9INT54701701 | 15       | RA-DHKSVK50    | (K50KSV)_<br>RA0001 | 6   | 5  | 12g45 - 17g05 | D1.7 | 31/10/25 - 21/11/25 |            |
|                                |       |    |                 |          |                |                     | 6   | 5  | 07g00 - 11g20 | D1.7 | 31/10/25 - 28/11/25 |            |
| Thị giác máy                   |       | 3  | 25C9INT54702401 | 15       | RA-DHKSVK50    | (K50KSV)_<br>RA0001 | 2   | 5  | 07g00 - 11g20 | D1.7 | 27/10/25 - 24/11/25 |            |
|                                |       |    |                 |          |                |                     | 3   | 5  | 07g00 - 11g20 | D1.7 | 28/10/25 - 18/11/25 |            |
| Vi điều khiển                  |       | 3  | 25C9INT54701401 | 15       | RA-DHKSVK50    | (K50KSV)_<br>RA0001 | 3   | 5  | 12g45 - 17g05 | D1.7 | 05/08/25 - 09/09/25 |            |
|                                |       |    |                 |          |                |                     | 4   | 5  | 12g45 - 17g05 | D1.7 | 06/08/25 - 27/08/25 |            |
| Xác suất thống kê cho kỹ thuật |       | 3  | 25C9INT54712201 | 15       | RA-DHKSVK50    | (K50KSV)_<br>RA0001 | 5   | 5  | 07g00 - 11g20 | D1.7 | 18/09/25 - 16/10/25 |            |
|                                |       |    |                 |          |                |                     | 6   | 5  | 07g00 - 11g20 | D1.7 | 19/09/25 - 10/10/25 |            |

## VIỆN KHOA HỌC CHÍNH TRỊ - XÃ HỘI

| HỌC PHẦN                       | VN/EN | TC | MÃ LHP          | SLĐK | NGÀNH/KHÓA  | LỚP SV                          | THỨ | ST | GIỜ HỌC       | GD   | THỜI GIAN HỌC       | GHI CHÚ |
|--------------------------------|-------|----|-----------------|------|-------------|---------------------------------|-----|----|---------------|------|---------------------|---------|
| Chủ nghĩa xã hội khoa học      |       | 2  | 25C9POL51002501 | 50   | AD-DHKSVK50 | (K50KSV)_AD0001,(K50KSV)_AR0001 | 2   | 5  | 07g00 - 11g20 | D2.7 | 04/08/25 - 18/08/25 |         |
|                                |       |    |                 |      |             |                                 | 3   | 5  | 07g00 - 11g20 | D2.7 | 05/08/25 - 19/08/25 |         |
| Chủ nghĩa xã hội khoa học      |       | 2  | 25C9POL51002503 | 50   | FN-DHKSVK50 | (K50KSV)_FN0001,(K50KSV)_TA0001 | 5   | 5  | 07g00 - 11g20 | D2.7 | 07/08/25 - 21/08/25 |         |
|                                |       |    |                 |      |             |                                 | 6   | 5  | 07g00 - 11g20 | D2.7 | 08/08/25 - 22/08/25 |         |
| Chủ nghĩa xã hội khoa học      |       | 2  | 25C9POL51002504 | 55   | IB-DHKSVK50 | (K50KSV)_IB0001                 | 2   | 5  | 12g45 - 17g05 | D2.7 | 04/08/25 - 18/08/25 |         |
|                                |       |    |                 |      |             |                                 | 3   | 5  | 12g45 - 17g05 | D2.7 | 05/08/25 - 19/08/25 |         |
| Chủ nghĩa xã hội khoa học      |       | 2  | 25C9POL51002505 | 64   | NH-DHKSVK50 | (K50KSV)_NH0001,(K50KSV)_KS0001 | 5   | 5  | 12g45 - 17g05 | D2.2 | 07/08/25 - 21/08/25 |         |
|                                |       |    |                 |      |             |                                 | 6   | 5  | 12g45 - 17g05 | D2.2 | 08/08/25 - 22/08/25 |         |
| Kinh tế chính trị Mác Lênin    |       | 2  | 25C9POL51002401 | 60   | AV-DHKSVK50 | (K50KSV)_AV0001,(K50KSV)_EL0001 | 2   | 5  | 12g45 - 17g05 | D2.2 | 27/10/25 - 10/11/25 |         |
|                                |       |    |                 |      |             |                                 | 3   | 5  | 12g45 - 17g05 | D2.2 | 28/10/25 - 11/11/25 |         |
| Kinh tế chính trị Mác Lênin    |       | 2  | 25C9POL51002402 | 65   | EE-DHKSVK50 | (K50KSV)_EE0001                 | 2   | 5  | 12g45 - 17g05 | B2.2 | 27/10/25 - 10/11/25 |         |
|                                |       |    |                 |      |             |                                 | 3   | 5  | 12g45 - 17g05 | B2.2 | 28/10/25 - 11/11/25 |         |
| Kinh tế chính trị Mác Lênin    |       | 2  | 25C9POL51002404 | 55   | KN-DHKSVK50 | (K50KSV)_KN0001                 | 2   | 5  | 12g45 - 17g05 | D3.6 | 27/10/25 - 10/11/25 |         |
|                                |       |    |                 |      |             |                                 | 3   | 5  | 12g45 - 17g05 | D3.6 | 28/10/25 - 11/11/25 |         |
| Kinh tế chính trị Mác Lênin    |       | 2  | 25C9POL51002405 | 70   | LM-DHKSVK50 | (K50KSV)_LM0001,(K50KSV)_TI0001 | 2   | 5  | 07g00 - 11g20 | D2.5 | 27/10/25 - 10/11/25 |         |
|                                |       |    |                 |      |             |                                 | 3   | 5  | 07g00 - 11g20 | D2.5 | 28/10/25 - 11/11/25 |         |
| Kinh tế chính trị Mác Lênin    |       | 2  | 25C9POL51002406 | 70   | MR-DHKSVK50 | (K50KSV)_MR0001                 | 2   | 5  | 12g45 - 17g05 | D2.5 | 27/10/25 - 10/11/25 |         |
|                                |       |    |                 |      |             |                                 | 3   | 5  | 12g45 - 17g05 | D2.5 | 28/10/25 - 11/11/25 |         |
| Lịch sử Đảng Cộng Sản Việt Nam |       | 2  | 25C9HIS51002601 | 65   | MR-DHKSVK49 | (K49KSV)_MR0001                 | 2   | 5  | 12g45 - 17g05 | D3.2 | 04/08/25 - 18/08/25 |         |
|                                |       |    |                 |      |             |                                 | 3   | 5  | 12g45 - 17g05 | D3.2 | 05/08/25 - 19/08/25 |         |
| Lịch sử Đảng Cộng Sản Việt Nam |       | 2  | 25C9HIS51002603 | 50   | LM-DHKSVK49 | (K49KSV)_LM0001                 | 5   | 5  | 12g45 - 17g05 | D3.5 | 07/08/25 - 21/08/25 |         |
|                                |       |    |                 |      |             |                                 | 6   | 5  | 12g45 - 17g05 | D3.5 | 08/08/25 - 22/08/25 |         |
| Lịch sử Đảng Cộng Sản Việt Nam |       | 2  | 25C9HIS51002604 | 70   | IB-DHKSVK49 | (K49KSV)_IB0001,(K4             | 5   | 5  | 07g00 - 11g20 | D3.2 | 07/08/25 - 21/08/25 |         |
|                                |       |    |                 |      |             |                                 | 6   | 5  | 07g00 - 11g20 | D3.2 | 08/08/25 - 22/08/25 |         |



|                                      |  |   |                 |    |                 |                                             |   |   |               |      |                     |  |
|--------------------------------------|--|---|-----------------|----|-----------------|---------------------------------------------|---|---|---------------|------|---------------------|--|
| Nam                                  |  |   |                 |    |                 | 9KSV)_AD<br>0001                            |   |   |               |      |                     |  |
| Lịch sử Đảng<br>Cộng Sản Việt<br>Nam |  | 2 | 25C9HIS51002605 | 65 | NH-<br>DHKSVK49 | (K49KSV)_<br>NH0001,(K<br>49KSV)_F<br>N0001 | 2 | 5 | 07g00 - 11g20 | D2.5 | 04/08/25 - 18/08/25 |  |
|                                      |  |   |                 |    |                 |                                             | 3 | 5 | 07g00 - 11g20 | D2.5 | 05/08/25 - 19/08/25 |  |
| Tư tưởng Hồ<br>Chí Minh              |  | 2 | 25C9HCM51000402 | 50 | KN-<br>DHKSVK49 | (K49KSV)_<br>KN0001                         | 2 | 5 | 07g00 - 11g20 | D3.1 | 04/08/25 - 18/08/25 |  |
|                                      |  |   |                 |    |                 |                                             | 3 | 5 | 07g00 - 11g20 | D3.1 | 05/08/25 - 19/08/25 |  |
| Tư tưởng Hồ<br>Chí Minh              |  | 2 | 25C9HCM51000403 | 50 | EE-<br>DHKSVK49 | (K49KSV)_<br>EE0001                         | 5 | 5 | 07g00 - 11g20 | D2.1 | 07/08/25 - 21/08/25 |  |
|                                      |  |   |                 |    |                 |                                             | 6 | 5 | 07g00 - 11g20 | D2.1 | 08/08/25 - 22/08/25 |  |
| Tư tưởng Hồ<br>Chí Minh              |  | 2 | 25C9HCM51000404 | 55 | EL-<br>DHKSVK49 | (K49KSV)_<br>EL0001,<br>(K49KSV)_<br>AV0001 | 2 | 5 | 12g45 - 17g05 | D2.3 | 04/08/25 - 18/08/25 |  |
|                                      |  |   |                 |    |                 |                                             | 3 | 5 | 12g45 - 17g05 | D2.3 | 05/08/25 - 19/08/25 |  |

**CÁC KHOA ĐÀO TẠO**  
(Các buổi sinh hoạt lớp)

| HỌC PHẦN               | VN/E<br>N | TC | MÃ LHP          | SL<br>DK | NGÀNH/KH<br>ÓA  | LỚP SV              | THỨ | ST | GIỜ HỌC       | GD         | THỜI GIAN HỌC | GHI<br>CHÚ |
|------------------------|-----------|----|-----------------|----------|-----------------|---------------------|-----|----|---------------|------------|---------------|------------|
| Sinh hoạt lớp<br>hk3.1 |           | 0  | 25C9ADM53600401 | 35       | AD-<br>DHKSVK50 | (K50KSV)_<br>AD0001 | 4   | 4  | 07g00 - 10g30 | ONLIN<br>E | 26/11/25      |            |
| Sinh hoạt lớp<br>hk3.1 |           | 0  | 25C9ADM53600402 | 20       | AR-<br>DHKSVK50 | (K50KSV)_<br>AR0001 | 4   | 4  | 07g00 - 10g30 | ONLIN<br>E | 26/11/25      |            |
| Sinh hoạt lớp<br>hk3.1 |           | 0  | 25C9ADM53600403 | 30       | AV-<br>DHKSVK50 | (K50KSV)_<br>AV0001 | 4   | 4  | 07g00 - 10g30 | ONLIN<br>E | 26/11/25      |            |
| Sinh hoạt lớp<br>hk3.1 |           | 0  | 25C9ADM53600404 | 65       | EE-<br>DHKSVK50 | (K50KSV)_<br>EE0001 | 4   | 4  | 07g00 - 10g30 | ONLIN<br>E | 26/11/25      |            |
| Sinh hoạt lớp<br>hk3.1 |           | 0  | 25C9ADM53600405 | 30       | EL-<br>DHKSVK50 | (K50KSV)_<br>EL0001 | 4   | 4  | 07g00 - 10g30 | ONLIN<br>E | 26/11/25      |            |
| Sinh hoạt lớp<br>hk3.1 |           | 0  | 25C9ADM53600406 | 35       | FN-<br>DHKSVK50 | (K50KSV)_<br>FN0001 | 4   | 4  | 07g00 - 10g30 | ONLIN<br>E | 26/11/25      |            |
| Sinh hoạt lớp<br>hk3.1 |           | 0  | 25C9ADM53600407 | 55       | IB-<br>DHKSVK50 | (K50KSV)_<br>IB0001 | 4   | 4  | 07g00 - 10g30 | ONLIN<br>E | 26/11/25      |            |
| Sinh hoạt lớp<br>hk3.1 |           | 0  | 25C9ADM53600408 | 55       | KN-<br>DHKSVK50 | (K50KSV)_<br>KN0001 | 4   | 4  | 07g00 - 10g30 | ONLIN<br>E | 26/11/25      |            |
| Sinh hoạt lớp<br>hk3.1 |           | 0  | 25C9ADM53600409 | 30       | KS-<br>DHKSVK50 | (K50KSV)_<br>KS0001 | 4   | 4  | 12g45 - 16g15 | ONLIN<br>E | 26/11/25      |            |

|                        |  |   |                 |    |                 |                     |   |   |               |            |          |  |
|------------------------|--|---|-----------------|----|-----------------|---------------------|---|---|---------------|------------|----------|--|
| Sinh hoạt lớp<br>hk3.1 |  | 0 | 25C9ADM53600410 | 50 | LM-<br>DHKSVK50 | (K50KSV)_<br>LM0001 | 4 | 4 | 12g45 - 16g15 | ONLIN<br>E | 26/11/25 |  |
| Sinh hoạt lớp<br>hk3.1 |  | 0 | 25C9ADM53600411 | 70 | MR-<br>DHKSVK50 | (K50KSV)_<br>MR0001 | 4 | 4 | 12g45 - 16g15 | ONLIN<br>E | 26/11/25 |  |
| Sinh hoạt lớp<br>hk3.1 |  | 0 | 25C9ADM53600412 | 45 | NH-<br>DHKSVK50 | (K50KSV)_<br>NH0001 | 4 | 4 | 12g45 - 16g15 | ONLIN<br>E | 26/11/25 |  |
| Sinh hoạt lớp<br>hk3.1 |  | 0 | 25C9ADM53600413 | 15 | RA-<br>DHKSVK50 | (K50KSV)_<br>RA0001 | 4 | 4 | 12g45 - 16g15 | ONLIN<br>E | 26/11/25 |  |
| Sinh hoạt lớp<br>hk3.1 |  | 0 | 25C9ADM53600414 | 20 | TA-<br>DHKSVK50 | (K50KSV)_<br>TA0001 | 4 | 4 | 12g45 - 16g15 | ONLIN<br>E | 26/11/25 |  |
| Sinh hoạt lớp<br>hk3.1 |  | 0 | 25C9ADM53600415 | 20 | TI-<br>DHKSVK50 | (K50KSV)_<br>TI0001 | 4 | 4 | 12g45 - 16g15 | ONLIN<br>E | 26/11/25 |  |
| Sinh hoạt lớp<br>hk5.1 |  | 0 | 25C9ADM53600805 | 30 | AD-<br>DHKSVK49 | (K49KSV)_<br>AD0001 | 4 | 4 | 12g45 - 16g15 | ONLIN<br>E | 26/11/25 |  |
| Sinh hoạt lớp<br>hk5.1 |  | 0 | 25C9ADM53600806 | 30 | AV-<br>DHKSVK49 | (K49KSV)_<br>AV0001 | 4 | 4 | 12g45 - 16g15 | ONLIN<br>E | 26/11/25 |  |
| Sinh hoạt lớp<br>hk5.1 |  | 0 | 25C9ADM53600807 | 45 | EE-<br>DHKSVK49 | (K49KSV)_<br>EE0001 | 4 | 4 | 12g45 - 16g15 | ONLIN<br>E | 26/11/25 |  |
| Sinh hoạt lớp<br>hk5.1 |  | 0 | 25C9ADM53600808 | 30 | EL-<br>DHKSVK49 | (K49KSV)_<br>EL0001 | 4 | 4 | 12g45 - 16g15 | ONLIN<br>E | 26/11/25 |  |
| Sinh hoạt lớp<br>hk5.1 |  | 0 | 25C9ADM53600809 | 35 | FN-<br>DHKSVK49 | (K49KSV)_<br>FN0001 | 4 | 4 | 12g45 - 16g15 | ONLIN<br>E | 26/11/25 |  |
| Sinh hoạt lớp<br>hk5.1 |  | 0 | 25C9ADM53600810 | 50 | KN-<br>DHKSVK49 | (K49KSV)_<br>KN0001 | 4 | 4 | 12g45 - 16g15 | ONLIN<br>E | 26/11/25 |  |
| Sinh hoạt lớp<br>hk5.1 |  | 0 | 25C9ADM53600811 | 45 | IB-<br>DHKSVK49 | (K49KSV)_<br>IB0001 | 4 | 4 | 07g00 - 10g30 | ONLIN<br>E | 26/11/25 |  |
| Sinh hoạt lớp<br>hk5.1 |  | 0 | 25C9ADM53600812 | 45 | LM-<br>DHKSVK49 | (K49KSV)_<br>LM0001 | 4 | 4 | 07g00 - 10g30 | ONLIN<br>E | 26/11/25 |  |
| Sinh hoạt lớp<br>hk5.1 |  | 0 | 25C9ADM53600813 | 65 | MR-<br>DHKSVK49 | (K49KSV)_<br>MR0001 | 4 | 4 | 07g00 - 10g30 | ONLIN<br>E | 26/11/25 |  |
| Sinh hoạt lớp<br>hk5.1 |  | 0 | 25C9ADM53600814 | 35 | NH-<br>DHKSVK49 | (K49KSV)_<br>NH0001 | 4 | 4 | 07g00 - 10g30 | ONLIN<br>E | 26/11/25 |  |